

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT  
VIỆN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ



**BÁO CÁO ĐỒ ÁN CHUYÊN NGÀNH  
ĐỀ TÀI: XÂY DỰNG WEBSITE BÁN NƯỚC HOA**

**Giảng viên giảng dạy: Ths. Nguyễn Trung Vũ**

**Sinh viên thực hiện: Nguyễn Nhật Lộc**

**MSSV: 1924801030024**

**Sinh viên thực hiện: Trần Minh Quân**

**MSSV: 1924801030244**

**Sinh viên thực hiện: Lê Văn Vương Khánh**

**MSSV: 1924801030067**

**Chuyên ngành : Kỹ thuật phần mềm**

**Khóa : 2019 - 2023**

**Tp. Thủ Dầu Một, tháng 4 năm 2023**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT  
VIỆN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ



**BÁO CÁO ĐỒ ÁN CHUYÊN NGÀNH  
ĐỀ TÀI: XÂY DỰNG WEBSITE BÁN NƯỚC HOA**

**Giảng viên giảng dạy: Ths. Nguyễn Trung Vũ**

**Sinh viên thực hiện: Nguyễn Nhật Lộc**

**MSSV: 1924801030024**

**Sinh viên thực hiện: Trần Minh Quân**

**MSSV: 1924801030244**

**Sinh viên thực hiện: Lê Văn Vương Khánh**

**MSSV: 1924801030067**

**Chuyên ngành : Kỹ thuật phần mềm**

**Khóa : 2019 – 2023**

**Tp. Thủ Dầu Một, tháng 4 năm 2023**

## LỜI CẢM ƠN

Trải qua thời gian học tập và nghiên cứu các học phần chuyên ngành Kỹ thuật phần mềm tại Trường Đại học Thủ Dầu Một, nhờ có những tài liệu quý giá, sự quan tâm và chỉ bảo tận tình của các giảng viên bộ môn đã giúp chúng em hoàn thành tốt bài môn học đồ án chuyên ngành.

Qua đây chúng em xin gửi lời cảm ơn chân thành và bày tỏ lòng biết ơn đến sự chỉ bảo tận tình của các thầy cô bộ môn thuộc Viện Kỹ thuật – Công nghệ. Đặc biệt là Thầy **Nguyễn Trung Vũ** người đã trực tiếp hướng dẫn, chỉ bảo và giúp đỡ chúng em trong thời gian thực hiện đồ án này.

Chúng em xin trân trọng cảm ơn:

- Các thầy cô giáo của trường Đại học Thủ Dầu Một và viện Kỹ thuật - Công nghệ
- Thầy Nguyễn Trung Vũ, giảng viên trường Đại học Thủ Dầu Một đã hướng dẫn chúng em xuyên suốt quá trình thực hiện đồ án..

Đề tài đồ án “Xây dựng website bán nước hoa” tuy đã hoàn thành nhưng chắc hẳn còn có nhiều sai sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp và giúp đỡ của thầy cô và bạn bè để giúp đề tài được hoàn thành tốt nhất cho báo cáo này.Rất mong nhận được những đóng góp từ quý Thầy Cô, bạn bè và những người quan tâm để luận văn có thể hoàn thiện hơn.

Do điều kiện thời gian có hạn và kinh nghiệm làm báo cáo chưa có nhiều nên chúng em không thể tránh khỏi những thiếu sót trong lúc trình bày cũng như làm báo cáo, kính mong nhận được những ý kiến đóng góp từ quý thầy cô.

*Chúng em xin gửi đến Thầy và Anh/ Chị lời chúc sức khỏe và lời cảm ơn chân thành!*

## MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU .....	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT .....	2
1. Giới thiệu.....	2
1.1. Lý do chọn đề tài .....	2
1.2. Tìm hiểu lý thuyết.....	3
1.2.1. Phân tích thiết kế hệ thống thông tin.....	3
1.2.2. Giới thiệu ngôn ngữ sử dụng trong project .....	8
CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG .....	12
1. Mô tả hệ thống .....	12
1.1. Danh sách Actors .....	12
1.2. Danh sách chức năng .....	12
1.3. Sơ đồ Usecase .....	15
1.3.1. Biểu đồ Usecase tổng quát .....	15
1.3.2. Biểu đồ Usecase quản lý sản phẩm .....	16
1.3.3. Biểu đồ Usecase quản lý ngôn ngữ .....	16
1.3.4. Usecase quản lý tài khoản .....	17
1.3.5. Usecase quản lý đơn hàng .....	17
1.3.6. Usecase quản lý thương hiệu .....	18
1.3.7. Usecase quản lý slide .....	18
1.3.8. Usecase quản lý mã giảm giá .....	19
1.3.9. Usecase quản lý danh mục sản phẩm .....	19
1.3.10. Usecase quản lý đánh giá .....	20
1.3.11. Usecase quản lý Flash Sale .....	20
1.4. Đặc tả Usecase .....	21
1.4.1. Khách hàng.....	21
1.4.2. Admin .....	27
1.5. Sơ đồ quan hệ cơ sở dữ liệu của hệ thống .....	39
1.6. Cấu trúc cơ sở dữ liệu .....	39
1.6.1. Cấu trúc tổng quan CSDL .....	39
1.6.2. Chi tiết CSDL .....	40
1.7. Sơ đồ tuần tự .....	46

<b>CHƯƠNG 3: GIAO DIỆN WEBSITE .....</b>	<b>52</b>
1. Các màn hình chính.....	52
1.1. Giao diện trang chủ.....	52
1.2. Giao diện trang chi tiết sản phẩm .....	53
1.3. Giao diện trang đăng ký.....	54
1.4. Giao diện trang đăng nhập.....	54
1.5. Giao diện giỏ hàng.....	55
1.6. Giao diện trang thông tin đơn hàng .....	55
1.7. Giao diện trang sau khi đặt hàng .....	56
1.8. Giao diện trang quản trị .....	56
1.9. Giao diện trang bảo mật.....	58
1.10. Giao diện trang quản lý danh mục sản phẩm .....	58
1.11. Giao diện trang danh sách thương hiệu sản phẩm.....	59
1.12. Giao diện trang danh sách sản phẩm .....	59
1.13. Giao diện trang danh sách đơn hàng.....	60
1.14. Giao diện trang danh sách thanh toán đơn hàng.....	60
1.15. Giao diện trang mã giảm giá.....	61
1.16. Giao diện trang Flash Sale .....	62
1.17. Giao diện trang quản lý khách hàng .....	62
1.18. Giao diện trang quản lý thông báo đến khách hàng .....	63
1.19. Giao diện trang quản lý bài viết.....	63
1.20. Giao diện trang đánh giá sản phẩm .....	64
1.21. Giao diện trang chuyển đổi ngôn ngữ .....	64
1.22. Giao diện trang chỉnh sửa giao diện .....	65
1.23. Giao diện trang cài đặt.....	65
<b>CHƯƠNG 4: KẾT LUẬN .....</b>	<b>66</b>
1. Đối với người dùng .....	66
2. Đối với người quản trị .....	66
3. Hướng phát triển .....	66
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>68</b>

## **DANH MỤC HÌNH**

Hình 1: Sơ đồ website bán nước hoa .....	4
Hình 2: Sơ đồ chức năng khách hàng .....	5
Hình 3: Sơ đồ quản lý khách hàng.....	7
Hình 4: Sơ đồ quản lý sản phẩm.....	7
Hình 5: Ngôn ngữ PHP .....	8
Hình 6: Usecase tổng quát .....	15
Hình 7: Usecase quản lý sản phẩm.....	16
Hình 8: Usecase quản lý ngôn ngữ .....	16
Hình 9: Usecase quản lý tài khoản .....	17
Hình 10: Usecase quản lý đơn hàng .....	17
Hình 11: Usecase quản lý thương hiệu .....	18
Hình 12: Usecase quản lý slide.....	18
Hình 13: Usecase quản lý mã giảm giá .....	19
Hình 14: Usecase quản lý danh mục sản phẩm .....	19
Hình 15: Usecase quản lý đánh giá .....	20
Hình 16: Usecase quản lý Flash Sale.....	20
Hình 17: Database diagram .....	39
Hình 18: Biểu đồ tuần tự đăng nhập.....	46
Hình 19: Biểu đồ tuần tự xem giỏ hàng.....	47
Hình 20: Biểu đồ tuần tự xóa giỏ hàng.....	47
Hình 21: Biểu đồ tuần tự thêm người dùng .....	48
Hình 22: Biểu đồ tuần tự xóa người dùng .....	48
Hình 23: Biểu đồ tuần tự thêm sản phẩm .....	49
Hình 24: Biểu đồ tuần tự chỉnh sửa sản phẩm.....	49
Hình 25: Biểu đồ tuần tự xóa sản phẩm .....	50
Hình 26: Biểu đồ tuần tự thêm slide .....	50
Hình 27: Biểu đồ tuần tự chỉnh sửa slide .....	51
Hình 28: Biểu đồ tuần tự xóa slide .....	51
Hình 29: Giao diện trang chủ .....	53

Hình 30: Giao diện trang chi tiết sản phẩm .....	53
Hình 31: Giao diện trang đăng ký .....	54
Hình 32: Giao diện trang đăng nhập.....	54
Hình 33: Giao diện giỏ hàng.....	55
Hình 34: Giao diện trang thông tin đơn hàng .....	55
Hình 35: Giao diện trang sau khi đặt hàng .....	56
Hình 36: Giao diện trang quản trị .....	57
Hình 37: Giao diện trang bảo mật .....	58
Hình 38: Giao diện trang danh mục sản phẩm .....	58
Hình 39: Giao diện trang danh sách thương hiệu sản phẩm.....	59
Hình 40: Giao diện trang danh sách sản phẩm .....	59
Hình 41: Giao diện trang danh sách đơn hàng .....	60
Hình 42: Giao diện trang danh sách đơn hàng chưa thanh toán.....	60
Hình 43: Giao diện trang danh sách đơn hàng đã thanh toán.....	61
Hình 44; Giao diện trang mã giảm giá .....	61
Hình 45: Giao diện trang Flash Sale.....	62
Hình 46: Giao diện trang quản lý khách hàng .....	62
Hình 47: Giao diện trang thông báo .....	63
Hình 48: Giao diện trang quản lý bài viết .....	63
Hình 49: Giao diện trang đánh giá sản phẩm .....	64
Hình 50: Giao diện trang chuyển đổi ngôn ngữ .....	64
Hình 51: Giao diện trang chỉnh sửa giao diện .....	65
Hình 52: Giao diện trang cài đặt.....	65

## **DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1: Danh sách các Actors .....	12
Bảng 2: Danh sách các chức năng .....	15
Bảng 3: Usecase đăng ký .....	21
Bảng 4: Usecase đăng nhập .....	22
Bảng 5: Usecase tìm kiếm .....	23
Bảng 6: Usecase xem chi tiết sản phẩm .....	23
Bảng 7: Usecase thêm sản phẩm vào giỏ hàng .....	24
Bảng 8: Usecase xem giỏ hàng .....	25
Bảng 9: Usecase thanh toán .....	25
Bảng 10: Usecase lọc sản phẩm .....	26
Bảng 11: Usecase chọn size nước hoa .....	27
Bảng 12: Usecase đăng nhập .....	28
Bảng 13: Usecase xác hóa đơn .....	28
Bảng 14: Usecase xóa đơn hàng .....	29
Bảng 15: Usecase quản lý sản phẩm .....	30
Bảng 16: Usecase thêm sản phẩm .....	30
Bảng 17: Usecase sửa sản phẩm .....	31
Bảng 18: Usecase xóa sản phẩm .....	32
Bảng 19: Usecase thêm danh mục sản phẩm .....	33
Bảng 20: Usecase sửa danh mục sản phẩm .....	33
Bảng 21: Usecase xóa danh mục sản phẩm .....	34
Bảng 22: Usecase thêm mã giảm giá .....	35
Bảng 23: Usecase sửa mã giảm giá .....	35
Bảng 24: Usecase xóa mã giảm giá .....	36
Bảng 25: Usecase thêm chương trình Flash Sale .....	37
Bảng 26: Usecase sửa chương trình Flash Sale .....	38
Bảng 27: Usecase xóa chương trình Flash Sale .....	38
Bảng 28: Bảng cấu trúc tổng quan CSDL .....	40
Bảng 29: Bảng thông tin tài khoản .....	40

Bảng 30: Bảng thông tin sản phẩm.....	41
Bảng 31: Bảng thông tin size sản phẩm .....	41
Bảng 32: Bảng thông tin thương hiệu.....	42
Bảng 33: Bảng thông tin đơn hàng .....	43
Bảng 34: Bảng thông tin chi tiết đơn hàng .....	43
Bảng 35: Bảng thông tin khách hàng đặt hàng .....	43
Bảng 36: Bảng thông tin ngôn ngữ.....	44
Bảng 37: Bảng thông tin mã giảm giá .....	44
Bảng 38: Bảng thông tin slide .....	45
Bảng 39: Bảng thông tin Flash Sale .....	45
Bảng 40: Bảng thông tin chi tiết Flash Sale .....	45
Bảng 41: Bảng thông tin chi tiết size sản phẩm .....	46

## LỜI MỞ ĐẦU

Ngày nay, ứng dụng công nghệ thông tin và việc tin học hóa được xem là một trong những yếu tố mang tính quyết định trong hoạt động của các chính phủ, tổ chức, cũng như của các công ty, nó đóng vai trò hết sức quan trọng, có thể tạo ra những bước đột phá mạnh mẽ.

Cùng với sự phát triển không ngừng về kỹ thuật máy tính và mạng điện tử, công nghệ thông tin cũng được những công nghệ có đẳng cấp cao và lần lượt chinh phục hết đỉnh cao này đến đỉnh cao khác. Mạng Internet là một trong những sản phẩm có giá trị hết sức lớn lao và ngày càng trở nên một công cụ không thể thiếu, là nền tảng chính cho sự truyền tải, trao đổi thông tin trên toàn cầu. Giờ đây, mọi việc liên quan đến thông tin trở nên thật dễ dàng cho người sử dụng: chỉ cần có một máy tính kết nối internet và một dòng dữ liệu truy tìm thì gần như lập tức... cả thế giới về vấn đề mà bạn đang quan tâm sẽ hiện ra, có đầy đủ thông tin, hình ảnh và thậm chí đôi lúc có cả những âm thanh nếu bạn cần...

Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, giờ đây, thương mại điện tử đã khẳng định được vai trò xúc tiến và thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Đối với một cửa hàng hay shop, việc quảng bá và giới thiệu đến khách hàng các sản phẩm mới đáp ứng được nhu cầu của khách hàng sẽ là cần thiết. Vậy phải quảng bá thế nào đó là xây dựng được một Website cho cửa hàng của mình quảng bá tất cả các sản phẩm của mình bán. Vì vậy, em đã thực hiện đồ án “**XÂY DỰNG WEBSITE BÁN NUỚC HOA**”. Người chủ cửa hàng đưa các sản phẩm đó lên website của mình và quản lý bằng website đó. Khách hàng có thể đặt mua hàng trên website mà không cần đến cửa hàng. Chủ cửa hàng sẽ gửi sản phẩm cho khách hàng khi nhận được tiền.

Với sự hướng dẫn tận tình của thầy Lê Từ Minh Trí em đã hoàn thành bài báo cáo đồ án này. Tuy đã cố gắng hết sức tìm hiểu, phân tích thiết kế và cài đặt hệ thống nhưng chắc rằng không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự thông cảm và góp ý của quý Thầy cô. Em xin chân thành cảm ơn.

# CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT

## 1. Giới thiệu

### 1.1. Lý do chọn đề tài

Với xu thế thương mại điện tử tăng cao. Việc phổ biến các sản phẩm của các cửa hàng nước hoa đến khách hàng thông qua các bảng báo giá cũng có hiệu quả tuy nhiên chi phí khá cao vì số lượng sản phẩm ngày một đa dạng và giá cả thay đổi liên tục và tính phổ biến không cao chưa quản lý được người dùng, thông tin hàng hóa,cập nhật giá sản phẩm, quản lý thanh toán,...

Cùng với sự phát triển của công nghệ, sản phẩm nước hoa liên tục được phát triển và tung ra nhiều mẫu mã mới. Ngược lại với sự phát triển đó, hệ thống cửa hàng buôn bán nước hoa thiếu đi sự chuyên nghiệp trong khâu bán hàng khiến việc mua hàng online trở nên khó khăn. Vậy nên do đó mà nhóm em đã hình thành nên ý tưởng tuy không mới nhưng một phần nào sẽ giảm bớt khó khăn khi mua hàng.

#### ❖ Mục tiêu nghiên cứu

Website được phát triển dựa trên nghiên cứu, tìm tòi của nhóm, áp dụng các công nghệ hiện đại nhằm giúp cho người dùng dễ dàng tìm kiếm và chọn mua được cho mình sản phẩm yêu thích.

Hệ thống bán nước hoa hỗ trợ trong việc quản lý các nghiệp vụ như tính tiền, kiểm tra doanh thu, thống kê,...v.v.

Hệ thống quản lý bán nước hoa giúp cho khách hàng và quản trị viên tiết kiệm được thời gian, nhanh chóng, thao tác đơn giản, dễ dàng sử dụng.

Xây dựng một hệ thống mới phù hợp, dễ hiểu, dễ sử dụng cho người dùng. Hiểu được hệ thống quản lý bán hàng, cần quản lý những mảng nào để xây dựng ứng dụng cho phù hợp nhu cầu thực tiễn.

Giúp quản lý hệ thống của cửa hàng trở nên tối ưu hơn, công tác quản lý dễ dàng và tiện lợi hơn.

Giúp bản thân có thêm khả năng sáng tạo, tư duy thông qua thiết kế giao diện tương tác với người dùng, vận dụng kiến thức bản thân vào thực tiễn.

## ❖ **Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu: Hệ thống cửa hàng bán nước hoa.

Khách thè nghiên cứu:

- Những người có nhu cầu kinh doanh nước hoa cần phần mềm quản lý quán.
- Nghề vụ bán hàng.
- Quy trình hoạt động của một cửa hàng bán nước hoa thông thường.

## ❖ **Phương pháp nghiên cứu**

### ➤ **Phương pháp nghiên cứu tài liệu**

- Tham khảo, nghiên cứu thêm các tài liệu trên trang web, trang báo, tìm hiểu tình hình thực trạng của đế tài.
- Tìm xem các đồ án, khóa luận tốt nghiệp của các khóa trước đã làm hoặc tìm hiểu qua sách báo liên quan đến đề tài nghiên cứu.

### ➤ **Phương pháp nghiên cứu thực tiễn**

- Phương pháp quan sát: Quan sát việc buôn bán của một số cửa hàng nước hoa thành phố Thủ Dầu Một.
- Phương pháp phỏng vấn: Lấy thông tin thực tế từ chủ quán, nhân viên, khách hàng

### ➤ **Phương pháp tổng hợp và phân tích số liệu**

- Thu thập thông tin từ việc phỏng vấn.
- Thống kê, tổng kết số liệu.
- Phân tích, đưa ra kết quả và thực hiện

## **1.2. Tìm hiểu lý thuyết**

### **1.2.1. Phân tích thiết kế hệ thống thông tin**

## ❖ **Khảo sát hiện trạng và xây dựng hệ thống**

Sau khi khảo sát em đã nắm bắt được các thông tin :

- Quản lý tài khoản: Mỗi khách hàng được quản lý các thông tin sau: họ tên, địa chỉ, số điện thoại, email.
- Quản lý sản phẩm: Mã nhà sản xuất, tên sản phẩm, đơn giá, giá ưu đãi, số lượng, số lượng đã bán, mô tả, ngày và giờ giảm giá.
- Quản lý nhà sản xuất: Mã nhà sản xuất, tên nhà sản xuất.

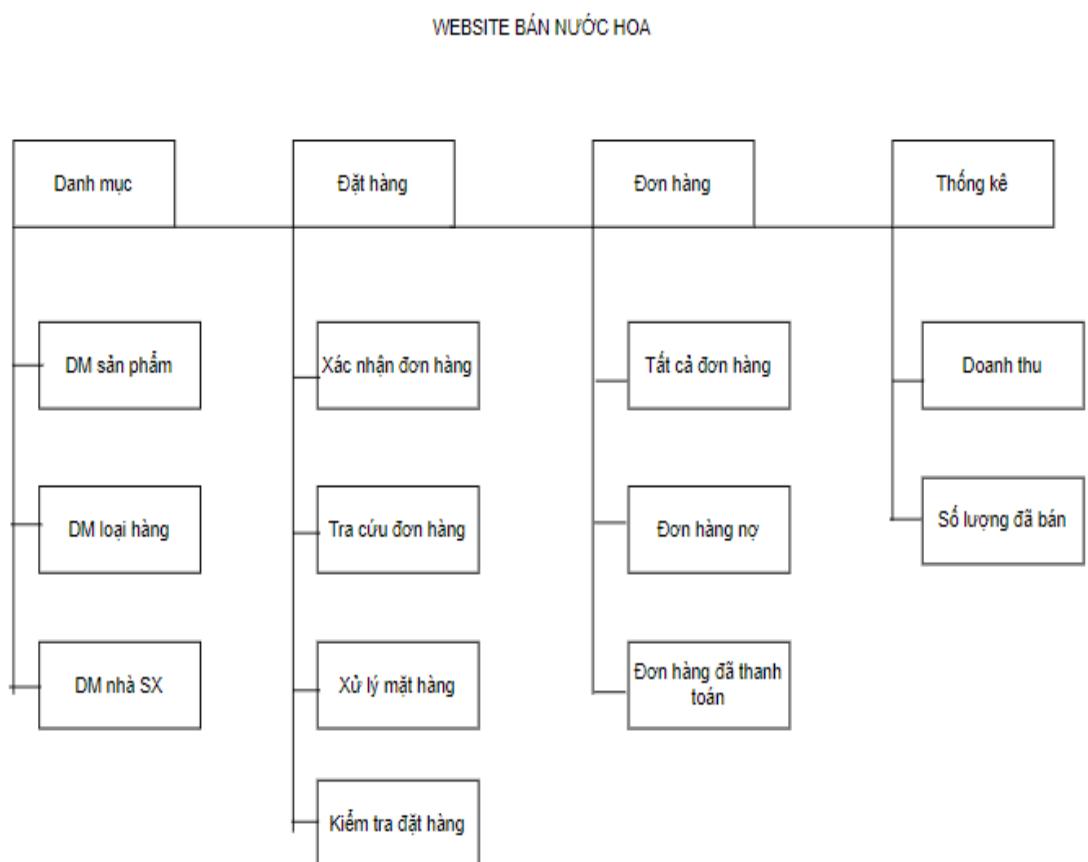
- Quản lý đơn hàng: Danh sách đơn hàng, danh sách đơn hàng thành công, danh sách đơn hàng thất bại, in đơn hàng.
- Quản lý slide: Nội dung slide, ảnh slide, trạng thái.
- Quản lý doanh thu: tiền mặt, tiền chuyển khoản.
- Quản lý thương hiệu: ảnh, tên miền,...

### ❖ Phân tích hệ thống

Sau khi khảo sát hiện trạng của hệ thống và xây dựng hệ thống thì em đã đưa ra các tệp CSDL của “Xây dựng website quản lý bán nước hoa”.

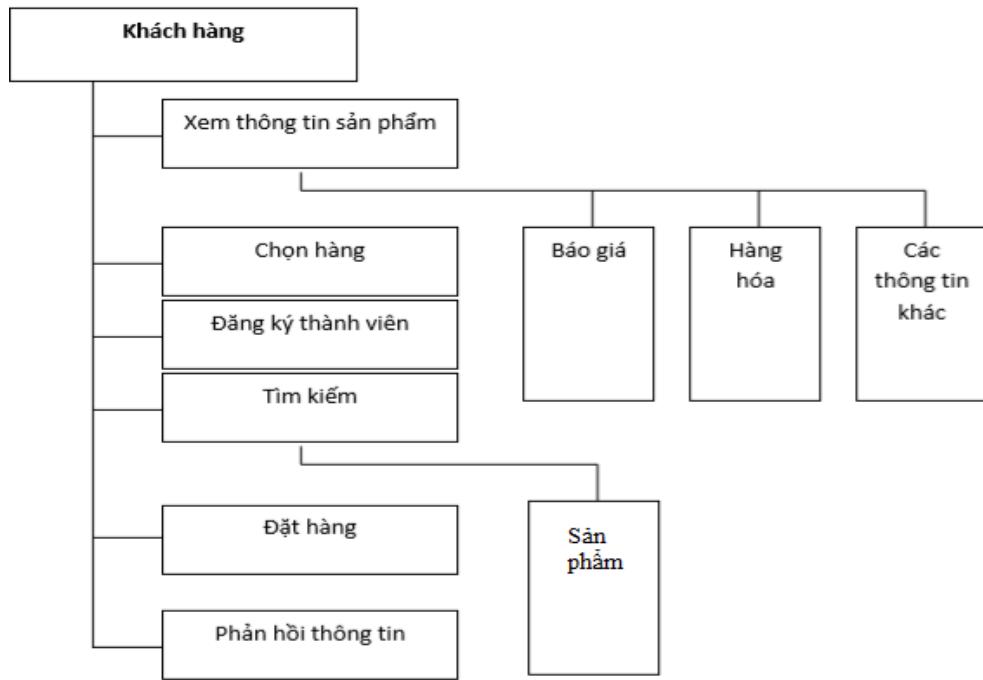
Qua quá trình khảo sát, phân tích thực trạng và xây dựng hướng phát triển cho hệ thống mới em đã xây dựng cấu trúc của hệ thống “Xây dựng Website bán nước hoa”.

Xây dựng biểu đồ phân cấp chức năng, biểu đồ luồng dữ liệu. Ta xây dựng biểu đồ luồng dữ liệu như sau:



Hình 1: Sơ đồ website bán nước hoa

### ❖ Sơ đồ phân cấp chức năng khách hàng



Hình 2: Sơ đồ chức năng khách hàng

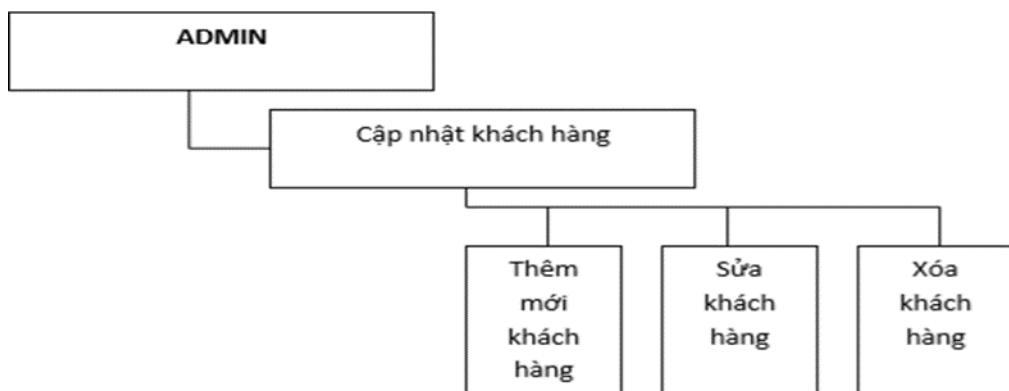
- Chức năng xem thông tin sản phẩm:
  - Cho phép xem các thông tin liên quan đến sản phẩm.
- Chức năng chọn bảng:
  - Liệt kê danh mục mặt hàng sản phẩm theo nhóm, chủng loại, chi tiết,... cho phép khách hàng có thể lựa chọn, bổ sung mặt hàng vào giỏ hàng.
  - Đầu vào: Các thông tin liên quan đến sản phẩm, tên mặt hàng.
  - Các quá trình cần thực hiện:
    - Liệt kê, hiển thị danh mục mặt hàng theo nhóm, loại, chi tiết.
    - Thêm mặt hàng vào giỏ hàng.
    - Loại bỏ mặt hàng trong giỏ hàng.
    - Hiển thị danh mục mặt hàng hiện có trong giỏ hàng.
  - Đầu ra: Danh mục mặt hàng định đặt mua.
- Chức năng đăng ký:
  - Khách hàng có thể đăng ký để trở thành khách hàng thường xuyên (thành viên) của cửa hàng và được cấp một tài khoản người dùng (Account) để đăng nhập khi cần đặt hàng, thanh toán,...
  - Đầu vào: Các thông tin cá nhân của khách hàng.

- Email.
    - Password.
    - Họ tên đầy đủ
    - Địa chỉ.
    - Số ĐT.
  - Các quá trình thực hiện:
    - Nhập thông tin cá nhân của khách hàng.
    - Xác nhận thông tin vừa nhập.
    - Thông báo cho khách hàng và yêu cầu nhập lại tài khoản người dùng nếu tài khoản đó đã có người đăng ký.
    - Lưu thông tin khách hàng vừa đăng ký vào CSDL.
  - Đầu ra:
    - Thông báo cho khách hàng và yêu cầu nhập lại tài khoản hoặc Email nếu tài khoản hoặc Email đó đã tồn tại trong CSDL.
    - Thông báo và yêu cầu nhập lại thông tin trong trường hợp thông tin nhập vào không chính xác, không phù hợp.
    - Chuyển sang trang đăng nhập.
- Chức năng tìm kiếm:
- Tìm kiếm thông tin về sản phẩm
  - Đầu vào:
    - Từ hoặc cụm từ cần tìm kiếm.
    - Dạng tìm kiếm (tìm kiếm tên sản phẩm, tìm giá sản phẩm).
  - Các quá trình thực hiện:
    - Tìm kiếm trong CSDL.
    - Hiển thị kết quả tìm kiếm.
  - Đầu ra : Kết quả tìm kiếm.

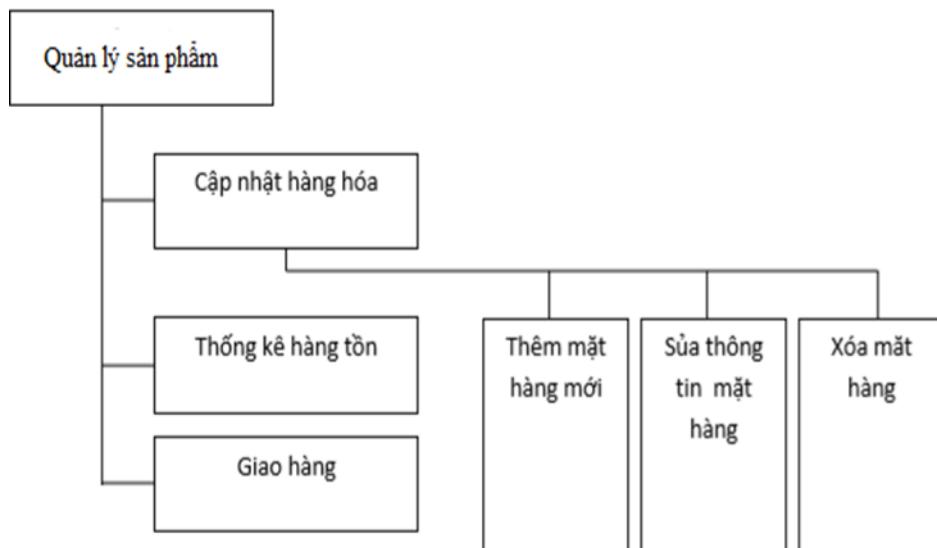
- Chức năng thanh toán:
- Sau khi khách hàng chọn những sản phẩm cần mua đặt vào giỏ hàng, khách hàng có thể đặt mua hàng chính thức thông qua website.
  - Đầu vào:
    - Danh mục mặt hàng trong giỏ hàng.

- Thông tin cá nhân của khách hàng (Mã khách hàng, Họ tên, Địa chỉ, ...).
- Thông tin liên quan đến việc mua hàng (ngày mua, số lượng mỗi mặt hàng đặt mua).
- Các quá trình thực hiện:
  - Hiển thị đầy đủ thông tin liên quan đến sản phẩm khách hàng đã chọn.

❖ **Sơ đồ phân cấp chức năng Admin**



Hình 3: Sơ đồ quản lý khách hàng



Hình 4: Sơ đồ quản lý sản phẩm

### **1.2.2. Giới thiệu ngôn ngữ sử dụng trong project**

#### **❖ Giới thiệu PHP**

PHP là viết tắt của Hypertext Preprocessor, ngôn ngữ lập trình PHP được sử dụng để xây dựng các website và ứng dụng web.

PHP là ngôn ngữ kịch bản làm việc trên server với nhiệm vụ là kết nối cơ sở dữ liệu và thực hiện các chức năng của web hoặc ứng dụng web. PHP dễ dàng được nhúng vào HTML qua cặp thẻ <?php ... ?>, khi chạy PHP sẽ sinh ra các mã HTML.

PHP là một ngôn ngữ dễ học, dễ viết. Ngoài ra, PHP là ngôn ngữ thông dịch do vậy có thể biên dịch và chạy chương trình cho đến khi gặp phải vấn đề.

PHP có thể viết cả phần Front-end và Back-end.

Phần mềm lập trình PHP: Visual Studio Code, Dreamweaver, Sublime Text...



Hình 5: Ngôn ngữ PHP

#### **❖ Giới thiệu CSDL MySQL**

MySQL là một hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu mã nguồn mở (gọi tắt là RDBMS) hoạt động theo mô hình client-server. Với RDBMS là viết tắt của Relational Database Management System. MySQL được tích hợp apache, PHP. MySQL quản lý dữ liệu thông qua các cơ sở dữ liệu. Mỗi cơ sở dữ liệu có thể có nhiều bảng quan hệ chứa dữ

liệu. MySQL cũng có cùng một cách truy xuất và mã lệnh tương tự với ngôn ngữ SQL. MySQL được phát hành từ thập niên 90s.

#### Ưu điểm của MySQL:

- **Dễ sử dụng:** MySQL là cơ sở dữ liệu tốc độ cao, ổn định, dễ sử dụng và hoạt động trên nhiều hệ điều hành cung cấp một hệ thống lớn các hàm tiện ích rất mạnh.
- **Độ bảo mật cao:** MySQL rất thích hợp cho các ứng dụng có truy cập CSDL trên Internet khi sở hữu nhiều tính năng bảo mật thậm chí là ở cấp cao.
- **Đa tính năng:** MySQL hỗ trợ rất nhiều chức năng SQL được mong chờ từ một hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ cả trực tiếp lẫn gián tiếp.
- **Khả năng mở rộng và mạnh mẽ:** MySQL có thể xử lý rất nhiều dữ liệu và hơn thế nữa nó có thể được mở rộng nếu cần thiết.
- **Nhanh chóng:** Việc đưa ra một số tiêu chuẩn cho phép MySQL để làm việc rất hiệu quả và tiết kiệm chi phí, do đó nó làm tăng tốc độ thực thi.

#### Nhược điểm của MySQL:

- **Giới hạn:** Theo thiết kế, MySQL không có ý định làm tất cả và nó đi kèm với các hạn chế về chức năng mà một vào ứng dụng có thể cần.
- **Độ tin cậy:** Cách các chức năng cụ thể được xử lý với MySQL (ví dụ tài liệu tham khảo, các giao dịch, kiểm toán...) làm cho nó kém tin cậy hơn so với một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ khác.
- **Dung lượng hạn chế:** Nếu số bản ghi của bạn lớn dần lên thì việc truy xuất dữ liệu của bạn là khá khó khăn, khi đó chúng ta sẽ phải áp dụng nhiều biện pháp để tăng tốc độ truy xuất dữ liệu như là chia tải database này ra nhiều server, hoặc tạo cache MySQL.

### ❖ Giới thiệu về HTML, CSS, JavaScript

#### ➤ **HTML là gì?**

HTML là chữ viết gọn của cụm từ "Hypertext Markup Language". Nó giúp người dùng tạo ra và cấu trúc những thành phần có trong website...

Đây không phải là một ngôn ngữ lập trình. Điều này cũng đồng nghĩa với việc HTML không có khả năng tạo ra những chức năng "động". Nó giống như Microsoft Word, chỉ được dùng để bố cục và định dạng website.

Xuất bản lần đầu tiên vào năm 1991 bởi Tim Berners-Lee, HTML đã nhanh chóng phổ biến trên toàn thế giới với tốc độ chóng mặt. Tính cho đến thời điểm hiện nay, HTML được xem như một chuẩn mực của công việc thiết kế website.

### ➤ ***CSS là gì?***

CSS là chữ viết gọn của cụm từ "Cascading Style Sheet Language" - ngôn ngữ tạo phong cách cho website.

Nó được dùng để tạo phong cách và định kiểu cho những yếu tố viết dưới dạng ngôn ngữ đánh dấu, mà phổ biến nhất vẫn là HTML.

Đồng thời, CSS còn có thể điều khiển định dạng của nhiều trang web cùng một lúc, giúp tiết kiệm công sức cho những nhà phát triển.

CSS cũng được phát triển bởi W3C (World Wide Web Consortium) vào năm 1996 với một lý do hết sức đơn giản, là vì HTML không được thiết kế để thêm tag giúp định dạng trang web, bạn chỉ có thể dùng nó để "đánh dấu" mà thôi.

Những thẻ như `<font>` xuất hiện trong HTML phiên bản 3.2 đã gây ra rất nhiều phiền phức cho lập trình viên. Vì website có bố cục, màu nền và phong cách khác nhau nên để viết lại code cho trang là cả một quá trình dài đầy cực nhọc. Do vậy mà CSS được W3C tạo ra để giải quyết vấn đề trên.

Mối quan hệ giữa HTML và CSS là vô cùng mật thiết. Chúng hỗ trợ cho nhau và không thể tách rời.

Xét về mặt lý thuyết thì không có CSS cũng vẫn được. Nhưng khi đó, website của bạn sẽ chỉ đơn thuần là một trang trống chứa đầy văn bản vô cùng nhảm chán mà thôi!

### ➤ ***JavaScript là gì?***

Javascript là ngôn ngữ lập trình phổ biến nhất trên thế giới trong suốt 20 năm qua.

Nó cũng là một trong số 3 ngôn ngữ chính của giới lập trình web:

- **HTML**: Giúp thêm nội dung cho trang web.
- **CSS**: Giúp định dạng thiết kế, bố cục, phong cách, canh lề... cho trang web.
- **JavaScript**: Giúp cải thiện cách hoạt động cho trang web.

Javascript sẽ được tích hợp và nhúng trong HTML, giúp website trở nên sống động hơn.

Nó cho phép kiểm soát những hành vi của website tốt hơn so với chỉ sử dụng mỗi HTML.

Bạn có thể học JavaScript một cách nhanh chóng và dễ dàng áp dụng nó cho rất nhiều mục đích khác nhau, từ việc cải thiện tính năng của website đến việc chạy game...

### ❖ Giới thiệu về Bootstrap

Bootstrap là một nền tảng (framework) miễn phí, mã nguồn mở, dựa trên HTML, CSS & Javascript, nó được tạo ra để xây dựng các giao diện Website tương thích với tất cả các thiết bị có kích thước màn hình khác nhau.

Bootstrap bao gồm những cái cơ bản có sẵn như: typography, forms, buttons, tables, navigation, modals, image carousels và nhiều thứ khác. Nó cũng có nhiều Component, Javascript hỗ trợ cho việc thiết kế Responsive của bạn dễ dàng, thuận tiện và nhanh chóng hơn.

Hiện nay Bootstrap là một trong những framework được sử dụng nhiều nhất trên thế giới để tạo ra các Responsive Website. Bootstrap đã tạo ra một tiêu chuẩn riêng, và rất được các lập trình viên ưu chuộng. Về cơ bản Bootstrap có 3 ưu điểm:

- Dễ sử dụng: Vì Bootstrap được xây dựng trên HTML, CSS & Javascript.
- Responsive: Bootstrap đã xây dựng sẵn các "Responsive Css" tương thích với các thiết bị khác nhau, vì vậy bạn chỉ cần học cách sử dụng chúng. Tính năng này giúp tiết kiệm rất nhiều thời gian cho các người dùng khi tạo ra các Website thân thiện.
- Tương thích với các trình duyệt: Nó tương thích với tất cả các trình duyệt (Chrome, Firefox, Internet Explorer, Safari, Opera). Tuy nhiên, với IE, Bootstrap 4 chỉ hỗ trợ từ IE10 trở lên.

# CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

## 1. Mô tả hệ thống

### 1.1. Danh sách Actors

STT	Tên Actor	Ý nghĩa
1	Admin	Người quản lý là người có toàn quyền tương tác với hệ thống, quyền sử dụng tất cả các chức năng mà website xây dựng, điều khiển và kiểm soát mọi hoạt động của website.
2	Người dùng	Người dùng ở đây là những người truy cập vào website, có thể đăng ký làm thành viên hoặc không. Người dùng chỉ có một số quyền nhất định đối với website.

Bảng 1: Danh sách các Actors

### 1.2. Danh sách chức năng

STT	Tên chức năng	Mô tả	Actor
1	Đăng nhập	Người dùng sau khi đăng ký trở thành thành viên đăng nhập tiếp tục sử dụng các chức năng trên website.	Admin, Người dùng
2	Đăng ký	Người dùng tạo tài khoản để sử dụng thêm các chức năng khác của thành viên.	Admin, Người dùng
3	Đăng xuất	Người dùng và Admin có thể đăng xuất khi không sử dụng website nữa.	Admin, Người dùng

4	Giỏ hàng	Người dùng có thể thêm nhiều sản phẩm muốn mua vào giỏ hàng	Người dùng
5	Đặt mua	Người dùng có thể đặt mua sản phẩm sau khi đăng nhập website	Người dùng
6	Thanh toán	Người dùng xem và nhấp vào nút “Thanh toán”. Hệ thống xác nhận thông tin và hiển thị trang thanh toán. Người dùng nhập đầy đủ thông tin. Hệ thống đưa ra thông báo và quay trở lại trang giỏ hàng.	Người dùng
7	Xem thông tin sản phẩm	Người dùng có thể xem thông tin sản phẩm có trên website.	Admin, Người dùng
8	Tìm kiếm sản phẩm	Người dùng có thể tìm kiếm các sản phẩm trên website bằng cách nhập liệu thông tin sản phẩm vào ô tìm kiếm.	Admin, Người dùng
9	Lọc sản phẩm	Người dùng có thể lọc sản phẩm theo hãng, giá tiền,...	Admin, Người dùng
10	Quản lý Giỏ hàng	Cho phép người dùng có thể: thêm, xoá sản phẩm.	Người dùng
11	Đánh giá	Người dùng có thể đưa ra nhận xét đánh giá hoặc đặt câu hỏi bên dưới sản phẩm	Người dùng
12	Chuyển đổi ngôn ngữ	Người dùng có thể tùy chỉnh 2 loại ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh	Người dùng

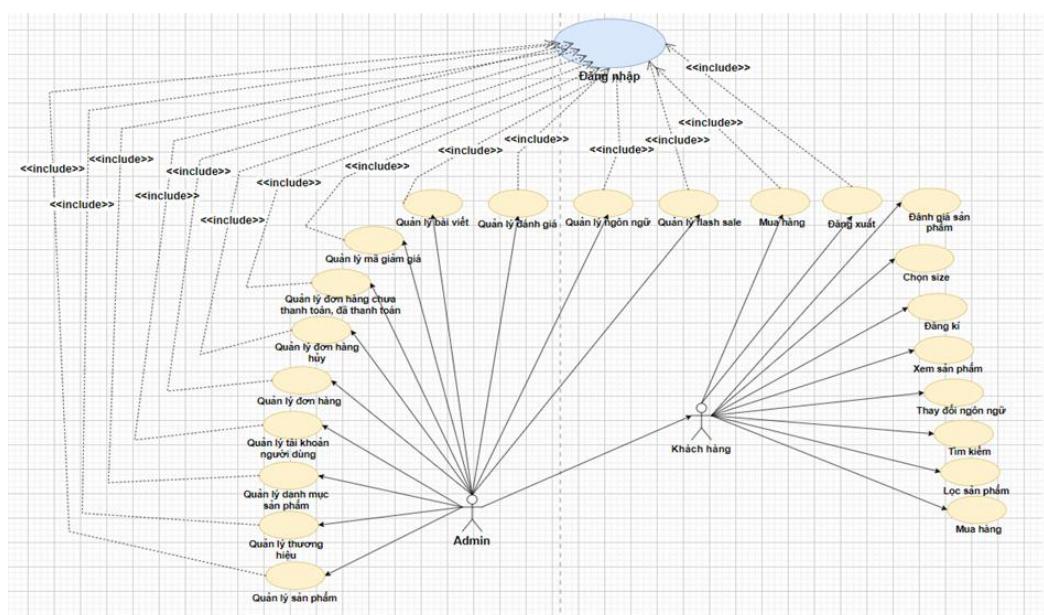
13	Quản lý sản phẩm	Cho phép admin có thể: + Thêm mới sản phẩm + Chính sửa sản phẩm + Xem chi tiết (Hiển thị) + Xoá sản phẩm	Admin
14	Quản lý thương hiệu	Cho phép admin có thể: + Thêm mới thương hiệu + Chính sửa thương hiệu + Xoá thương hiệu	Admin
15	Quản lý danh mục sản phẩm	Cho phép admin có thể: + Thêm mới danh mục + Chính sửa danh mục + Xoá danh mục	Admin
16	Quản lý tài khoản người dùng	Cho phép admin có thể: + Thêm mới tài khoản + Chính sửa tài khoản + Xoá tài khoản	Admin
17	Quản lý đơn hàng	Cho phép admin có thể: + Duyệt đơn hàng + Hủy đơn hàng + Xác nhận thanh toán + Xem thông tin đơn hàng + Lưu thông tin đơn hàng	Admin
18	Quản lý đơn hàng hủy	Cho phép admin có thể: + Khôi phục đơn hàng + Xem thông tin đơn hàng	Admin
19	Quản lý đơn hàng đã thanh toán, chưa thanh toán	Cho phép admin có thể xem thông tin tất cả đơn hàng đang tồn tại tác vụ đó trên hệ thống	Admin
20	Quản lý mã giảm giá	Cho phép admin có thể: + Thêm mới + Chính sửa + Xoá	Admin

21	Quản lý bài viết	Cho phép admin có thể: + Thêm mới + Xoá	Admin
22	Quản lý đánh giá	Cho phép admin có thể: + Xoá đánh giá	Admin
23	Quản lý ngôn ngữ	Cho phép admin có thể: + Chính sửa + Xoá	Admin
24	Quản lý flash sale	Cho phép admin có thể: + Thêm mới chương trình flash sale + Chính sửa chương trình flash sale + Xoá chương trình flash sale	Admin
25	Chọn size	Người dùng có thể chọn size mà mình muốn mua để thêm vào giỏ hàng	Khách hàng

Bảng 2: Danh sách các chức năng

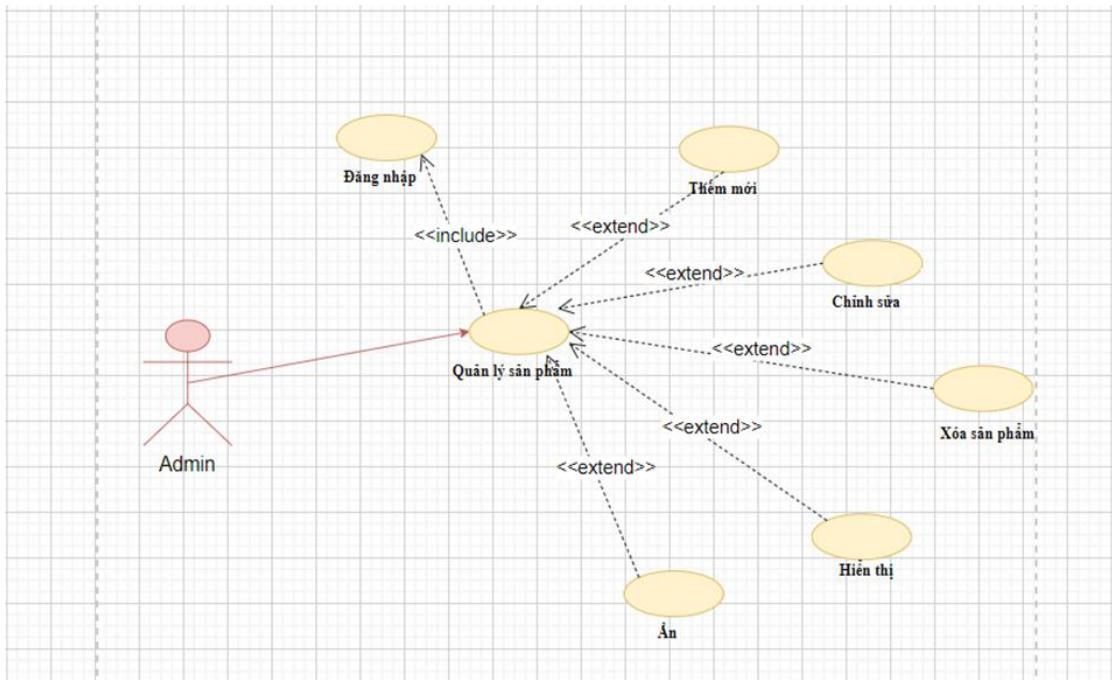
### 1.3. Sơ đồ Usecase

#### 1.3.1. Biểu đồ Usecase tổng quát



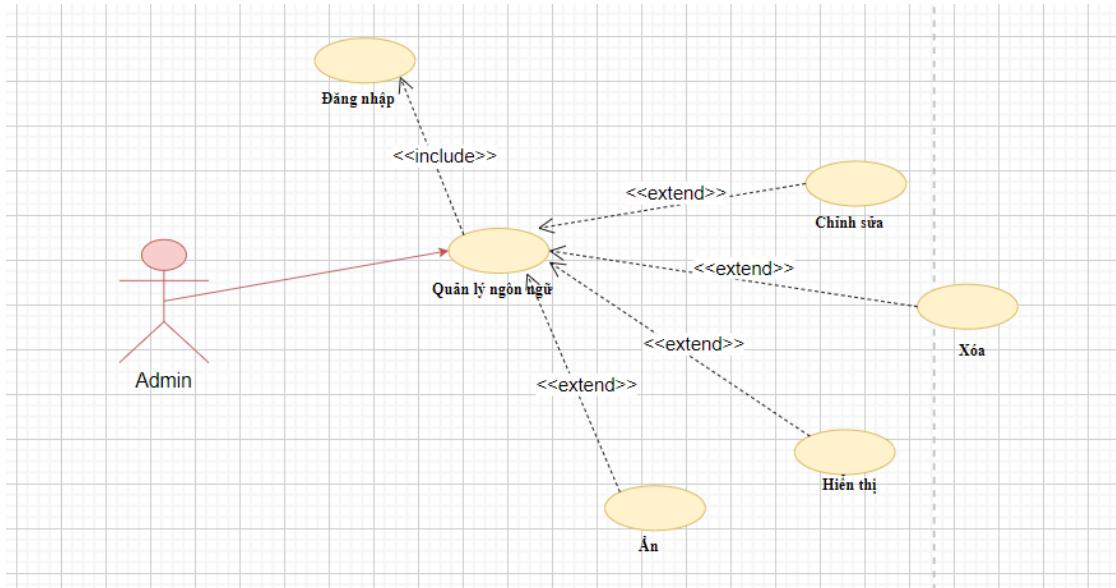
Hình 6: Usecase tổng quát

### 1.3.2. Biểu đồ Usecase quản lý sản phẩm



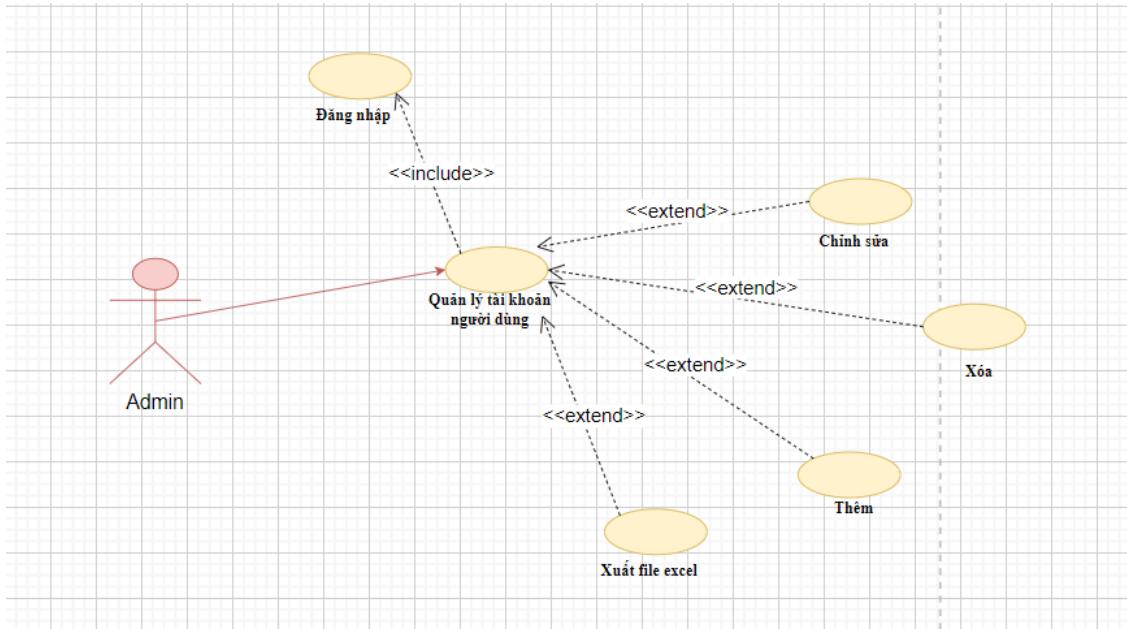
Hình 7: Usecase quản lý sản phẩm

### 1.3.3. Biểu đồ Usecase quản lý ngôn ngữ



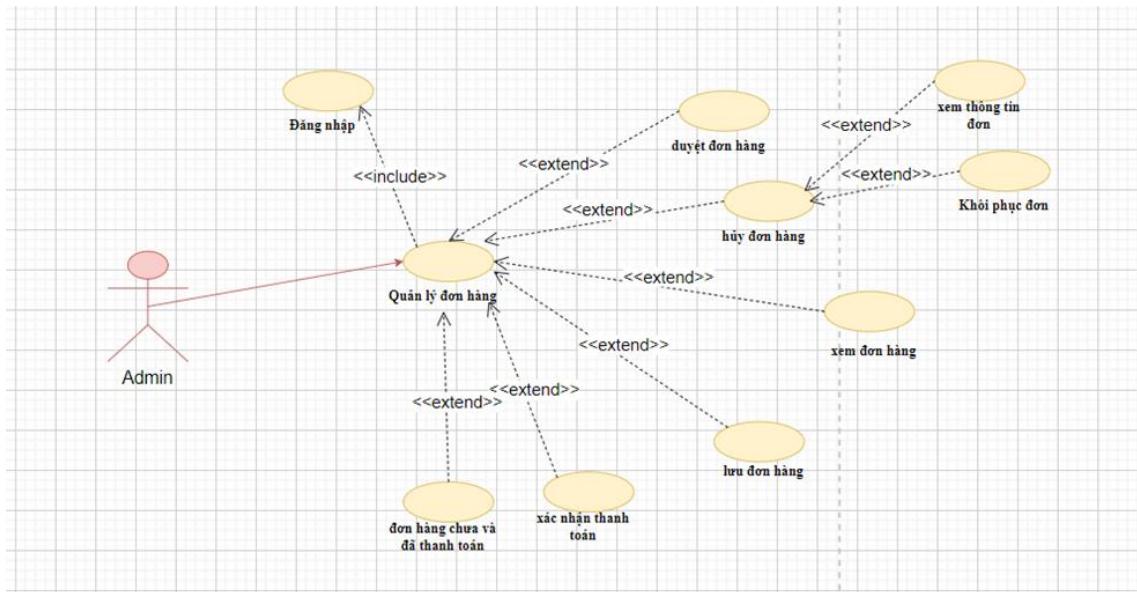
Hình 8: Usecase quản lý ngôn ngữ

### 1.3.4. Usecase quản lý tài khoản



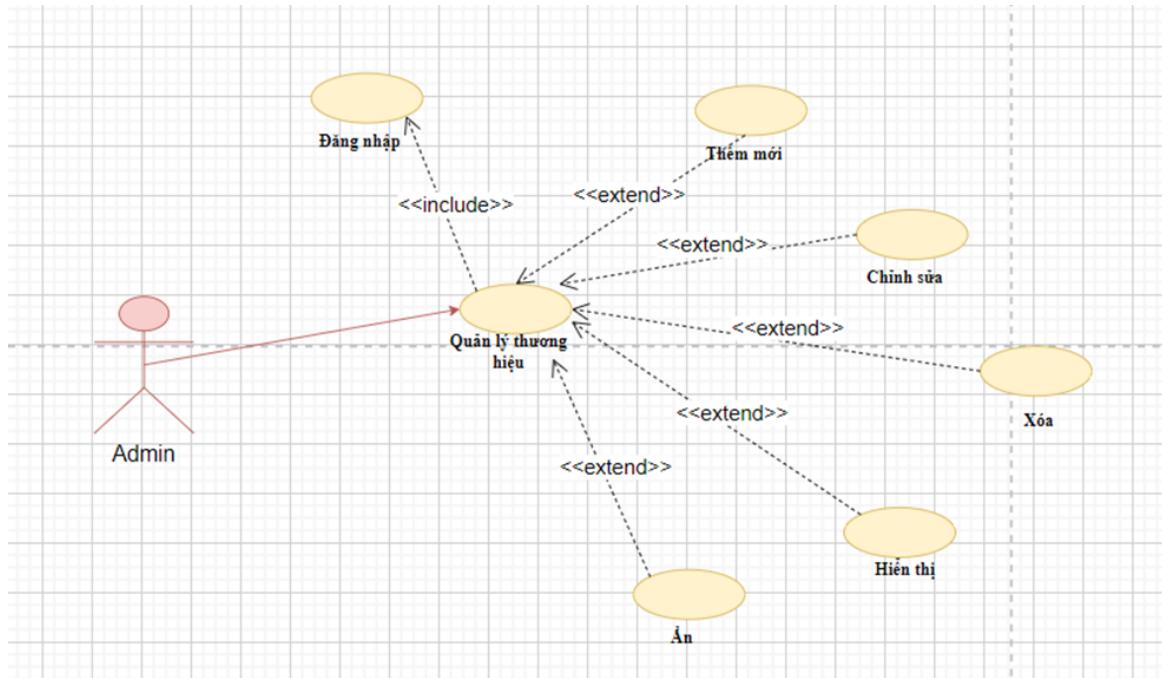
Hình 9: Usecase quản lý tài khoản

### 1.3.5. Usecase quản lý đơn hàng



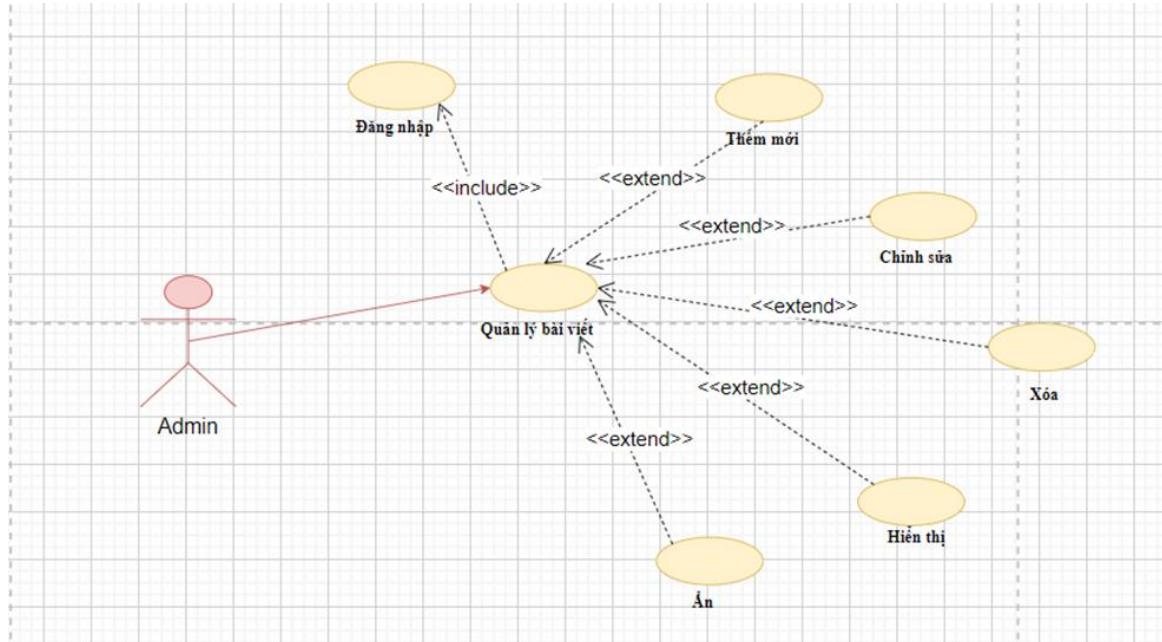
Hình 10: Usecase quản lý đơn hàng

### 1.3.6. Usecase quản lý thương hiệu



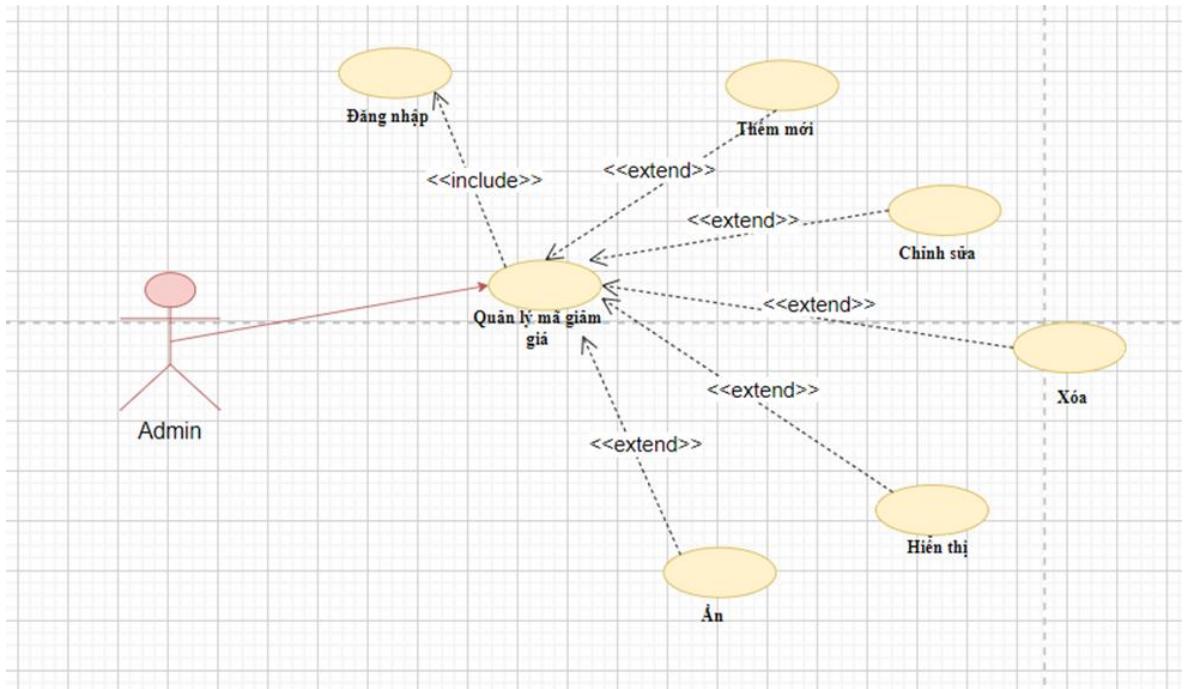
Hình 11: Usecase quản lý thương hiệu

### 1.3.7. Usecase quản lý slide



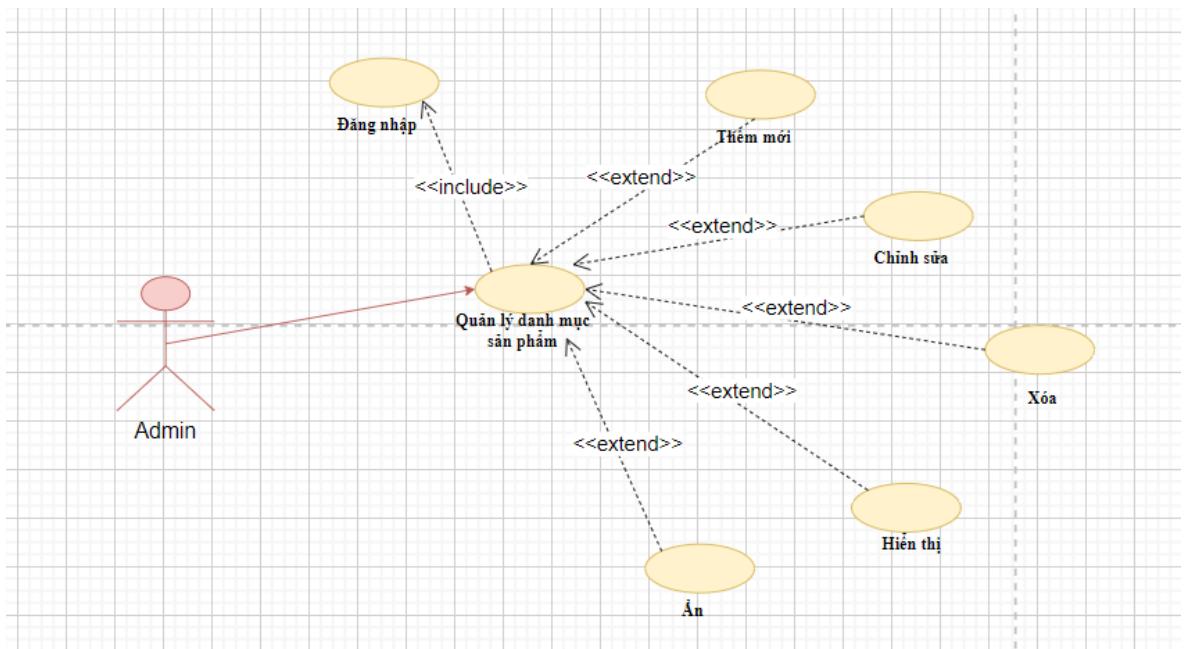
Hình 12: Usecase quản lý slide

### 1.3.8. Usecase quản lý mã giảm giá



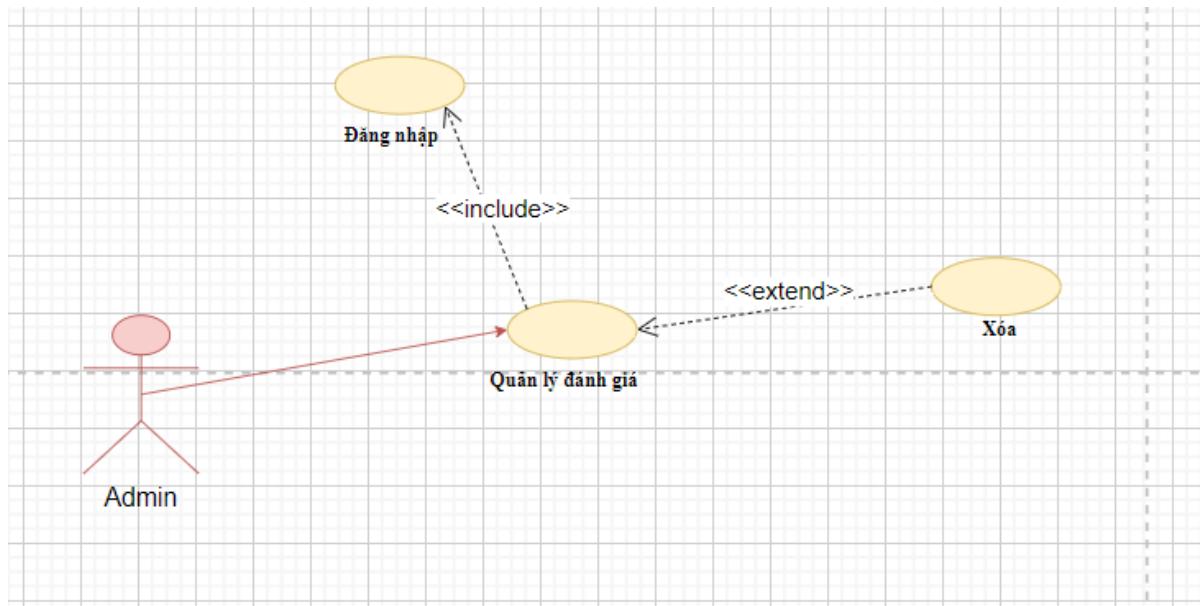
Hình 13: Usecase quản lý mã giảm giá

### 1.3.9. Usecase quản lý danh mục sản phẩm



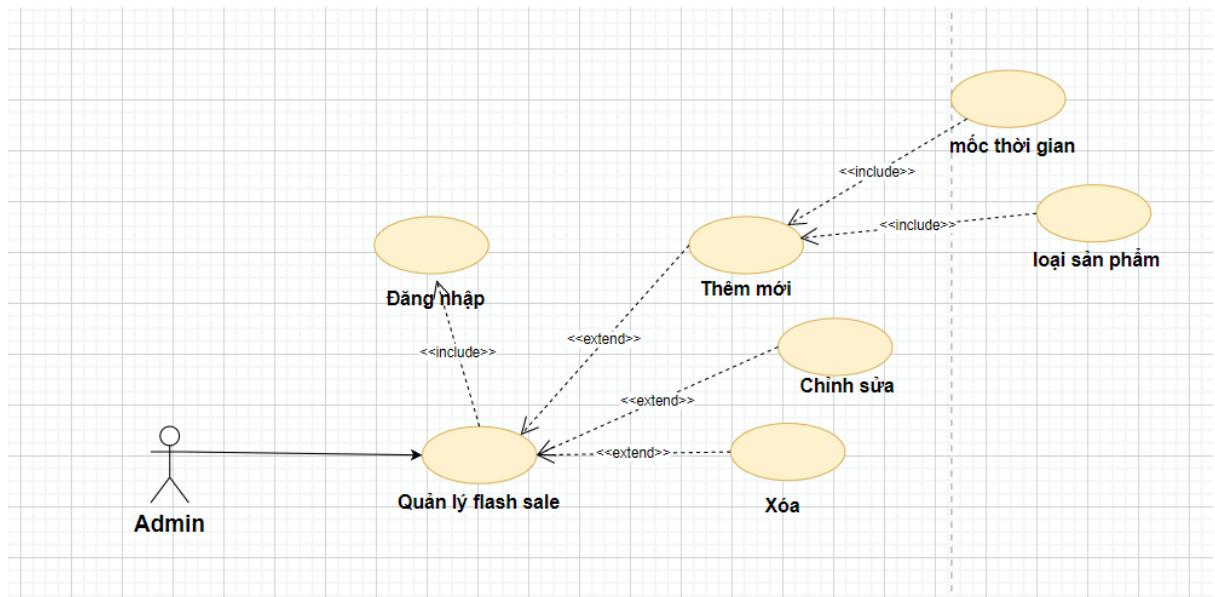
Hình 14: Usecase quản lý danh mục sản phẩm

### 1.3.10. Usecase quản lý đánh giá



Hình 15: Usecase quản lý đánh giá

### 1.3.11. Usecase quản lý Flash Sale



Hình 16: Usecase quản lý Flash Sale

## 1.4. Đặc tả Usecase

### 1.4.1. Khách hàng

#### ❖ Usecase đăng ký

Use Case – Đăng ký	
Tên	Đăng ký
Định nghĩa	Khách hàng muốn đăng ký làm thành viên của hệ thống
Actors	Khách hàng
Điều kiện tiên quyết	Khách hàng ghé thăm và chưa là thành viên của hệ thống
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ giao diện chính khách hàng chọn đăng nhập. Sau đó chọn đăng ký.</li> <li>- Hệ thống hiển thị giao diện đăng ký, yêu cầu khách hàng nhập thông tin cá nhân vào form đăng ký.</li> <li>- Khách hàng nhập thông tin cá nhân sau đó nhấn nút đăng ký.</li> <li>- Hệ thống kiểm tra thông tin đăng ký đã hợp lệ chưa, nếu chưa A1.</li> <li>- Hệ thống cập nhật thông tin của khách hàng vào danh sách khách hàng.</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	A1 Hiển thị thông báo thông tin không hợp lệ
Điều kiện sau	Khách hàng trở thành thành viên của hệ thống.

Bảng 3: Usecase đăng ký

## ❖ Usecase đăng nhập

Use Case – Đăng nhập	
Tên	Đăng nhập
Định nghĩa	Khách hàng muốn đăng nhập vào hệ thống
Actors	Khách hàng
Điều kiện tiên quyết	Thành viên chưa đăng nhập vào hệ thống.
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ giao diện khách hàng chọn đăng nhập.</li> <li>- Hệ thống hiển thị giao diện đăng nhập, yêu cầu khách hàng nhập tên tài khoản và mật khẩu.</li> <li>- Khách hàng nhập tên tài khoản và mật khẩu, chọn đăng nhập.</li> <li>- Hệ thống kiểm tra thông tin tài khoản và mật khẩu, nếu nhập sai tên tài khoản và mật khẩu A1.</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	A1 Quay lại màn hình đăng nhập
Điều kiện sau	Khách hàng đăng nhập thành công và có thể sử dụng các chức năng mà hệ thống cung cấp.

Bảng 4: Usecase đăng nhập

## ❖ Usecase tìm kiếm

Use Case – Tìm kiếm	
Tên	Tìm kiếm
Định nghĩa	Cho phép tìm kiếm các sản phẩm
Actors	Khách hàng
Điều kiện tiên quyết	Không

Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khách hàng kích vào thanh tìm kiếm.</li> <li>- Khách hàng nhập tên sản phẩm cần tìm vào thanh tìm kiếm.</li> <li>- Nhấn enter.</li> <li>- Hệ thống sẽ kiểm tra thông tin tìm kiếm nếu sản phẩm tồn tại thì kết quả tìm kiếm sẽ được hiển thị.</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Hiển thị danh sách kết quả tìm kiếm

Bảng 5: Usecase tìm kiếm

#### ❖ Usecase xem chi tiết sản phẩm

Use Case – Xem chi tiết sản phẩm	
Tên	Xem chi tiết sản phẩm
Định nghĩa	Cho phép khách hàng xem chi tiết về các sản phẩm có trong website
Actors	Khách hàng
Điều kiện tiên quyết	Xem chi tiết sản phẩm
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khách hàng chọn sản phẩm cần xem hệ thống hiển thị thông tin chi tiết về sản phẩm đã chọn.</li> <li>- Hệ thống sẽ hiện thị thông tin chi tiết sản phẩm.</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Hiển thị thông tin chi tiết sản phẩm

Bảng 6: Usecase xem chi tiết sản phẩm

❖ Usecase thêm sản phẩm vào giỏ hàng

Use Case – Thêm sản phẩm vào giỏ hàng	
Tên	Thêm sản phẩm vào giỏ hàng
Định nghĩa	Cho phép khách hàng thêm sản phẩm muốn mua vào giỏ hàng
Actors	Khách hàng
Điều kiện tiên quyết	Sản phẩm đã được chọn
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chọn nút thêm vào giỏ hàng để đưa sản phẩm đã chọn vào giỏ hàng</li> <li>- Hệ thống hiển thị thêm thành công sản phẩm vào giỏ hàng</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Hệ thống hiển thị giỏ hàng và các sản phẩm đã được thêm vào giỏ hàng

Bảng 7: Usecase thêm sản phẩm vào giỏ hàng

❖ Usecase xem giỏ hàng

Use Case – Xem giỏ hàng	
Tên	Xem giỏ hàng
Định nghĩa	Cho phép khách hàng xem tất cả những sản phẩm đã thêm vào giỏ hàng như: tên sản phẩm, số lượng, tổng tiền, giá cả. Nhập mã giảm giá cho các sản phẩm.
Actors	Khách hàng
Điều kiện tiên quyết	Không
Dòng sự kiện	

Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khách hàng phải chọn xem giỏ hàng hoặc thêm sản phẩm vào giỏ hàng</li> <li>- Hiển thị tất cả thông tin sản phẩm được giỏ thêm vào giỏ hàng</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Hệ thống hiển thị giỏ hàng và các sản phẩm đã được thêm vào giỏ hàng

Bảng 8: Usecase xem giỏ hàng

#### ❖ Usecase thanh toán

Use Case – Thanh toán	
Tên	Thanh toán
Định nghĩa	Cho phép khách thanh toán các sản phẩm trong giỏ hàng
Actors	Khách hàng
Điều kiện tiên quyết	Khách hàng phải là thành viên của hệ thống và trong giỏ hàng phải có sản phẩm
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành viên nhấn vào nút thanh toán để thanh toán đơn hàng</li> <li>- Giao diện trang thanh toán xuất hiện, hệ thống hiển thị thông tin đơn hàng và khách hàng sẽ điền thông tin cá nhân vào đơn đặt hàng.</li> <li>- Nếu không điền đầy đủ thông tin đơn hàng và nơi vận chuyển thì A1</li> <li>- Nếu chọn chuyển khoản thì hệ thống sẽ xuất hiện giao diện chuyển khoản bằng MoMo và làm theo các bước để thanh toán.</li> <li>- Thanh toán thành công, đơn hàng được lưu lại.</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	A1 Thông báo điền đầy đủ thông tin
Điều kiện sau	Hệ thống thông báo thanh toán thành công

Bảng 9: Usecase thanh toán

❖ Usecase lọc sản phẩm

Use Case – Lọc sản phẩm	
Tên	Lọc sản phẩm
Định nghĩa	Cho phép khách lọc các sản phẩm theo mục đích của người dùng
Actors	Khách hàng
Điều kiện tiên quyết	Không
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành viên nhấn vào nút lọc sản phẩm</li> <li>- Giao diện trang lọc sản phẩm xuất hiện, hệ thống hiển thị thông tin các lựa chọn lọc và khách hàng sẽ chọn phương thức thích hợp để lọc.</li> <li>- Lọc thành công sẽ hiển thị sản phẩm theo nhu cầu người dùng</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	A1 Thông báo chọn phương án lọc
Điều kiện sau	Hệ thống thông báo lọc thành công

Bảng 10: Usecase lọc sản phẩm

❖ Usecase chọn size nước hoa

Use Case – Chọn size	
Tên	Chọn size
Định nghĩa	Cho phép khách chọn size sản phẩm theo mục đích của người dùng
Actors	Khách hàng
Điều kiện tiên quyết	Không
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành viên nhấn vào size mình muốn</li> <li>- Giao diện trang sản phẩm xuất hiện, hệ thống hiển thị thông tin về sản phẩm mà khách hàng vừa chọn size</li> <li>- Chọn size thành công sẽ hiện sản phẩm theo nhu cầu người dùng</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	A1 Thông báo chọn phương án size.
Điều kiện sau	Hệ thống thông báo chọn size thành công.

Bảng 11: Usecase chọn size nước hoa

#### 1.4.2. Admin

❖ Usecase đăng nhập

Use Case – Đăng nhập	
Tên	Đăng nhập
Định nghĩa	Người quản trị muốn vào hệ thống
Actors	Người quản trị
Điều kiện tiên quyết	Không
Dòng sự kiện	

Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống hiển thị giao diện đăng nhập, yêu cầu người quản trị nhập tên tài khoản và mật khẩu</li> <li>- Người quản trị nhập tên tài khoản và mật khẩu, chọn đăng nhập</li> <li>- Hệ thống kiểm tra thông tin tài khoản và mật khẩu, nếu nhập sai tên tài khoản và mật khẩu A1</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	A1 Quay lại màn hình đăng nhập
Điều kiện sau	Người quản trị đăng nhập thành công và có thể sử dụng các chức năng mà hệ thống cung cấp.

Bảng 12: Usecase đăng nhập

#### ❖ Usecase xác nhận hóa đơn

Use Case – Xác nhận hóa đơn	
Tên	Xác nhận hóa đơn
Định nghĩa	Xác nhận hóa đơn với khách hàng như gọi điện kiểm tra lại thông cá nhân
Actors	Quản trị
Điều kiện tiên quyết	Người quản trị cần phải đăng nhập vào hệ thống
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người quản trị chọn giao diện quản lý hóa đơn</li> <li>- Người quản trị chọn xem chi tiết hóa đơn</li> <li>- Người quản trị chọn xác nhận đơn hàng đã giao hay chưa</li> <li>- Hệ thống sẽ cập nhật kết quả đơn hàng</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Thông tin sẽ được thay đổi

Bảng 13: Usecase xác hóa đơn

### ❖ Usecase xóa đơn hàng

Use Case – Xóa đơn hàng	
Tên	Xóa hóa đơn
Định nghĩa	Hóa đơn không được nhận và trả lại sẽ được quản trị viên xóa đi
Actors	Quản trị
Điều kiện tiên quyết	Người quản trị cần phải đăng nhập vào hệ thống
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người quản trị chọn giao diện quản lý hóa đơn</li> <li>- Người quản trị chọn một nút xóa tương ứng với mỗi hóa đơn</li> <li>- Hệ thống sẽ cập nhật kết quả đơn hàng</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Thông tin sẽ được thay đổi

Bảng 14: Usecase xóa đơn hàng

### ❖ Usecase quản lý sản phẩm

Use Case – Quản lý sản phẩm	
Tên	Quản lý sản phẩm
Định nghĩa	Khi người quản trị hệ thống muốn vô phán quản lý sản phẩm
Actors	Quản trị
Điều kiện tiên quyết	Người quản trị cần phải đăng nhập vào hệ thống
Dòng sự kiện	

Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người quản trị chọn giao diện quản lý sản phẩm</li> <li>- Hệ thống hiển thị thông tin trang quản lý sản phẩm của website</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Hệ thống hiển thị giao diện tác vụ cần làm cho admin

Bảng 15: Usecase quản lý sản phẩm

#### ❖ Usecase thêm sản phẩm

Use Case – Thêm sản phẩm	
Tên	Thêm sản phẩm
Định nghĩa	Khi người quản trị hệ thống muốn thêm sản phẩm mới vào website
Actors	Quản trị
Điều kiện tiên quyết	Người quản trị cần phải đăng nhập vào hệ thống
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người quản trị chọn giao diện quản lý sản phẩm</li> <li>- Người quản trị chọn một nút thêm sản phẩm</li> <li>- Hiển thị Form nhập thông tin sản phẩm</li> <li>- Nhập thông tin sản phẩm chọn nút Thêm sản phẩm</li> <li>- Nếu thêm sản phẩm không thành công A1</li> <li>- Hệ thống sẽ thêm sản phẩm vào cơ sở dữ liệu</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	A1 Thêm thông tin sản phẩm không thành công
Điều kiện sau	Hệ thống hiển thị giao diện danh sách sản phẩm

Bảng 16: Usecase thêm sản phẩm

### ❖ Usecase sửa sản phẩm

Use Case – Sửa sản phẩm	
Tên	Sửa sản phẩm
Định nghĩa	Khi người quản trị hệ thống muốn sửa lại thông tin sản phẩm
Actors	Quản trị
Điều kiện tiên quyết	Người quản trị cần phải đăng nhập vào hệ thống
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người quản trị chọn giao diện quản lý sản phẩm và nhấn vào liệt kê sản phẩm</li> <li>- Người quản trị chọn một nút sửa sản phẩm</li> <li>- Form hiển thị thông tin sản phẩm cần sửa</li> <li>- Nhập thông tin sản phẩm muốn sửa chọn nút cập nhật sản phẩm</li> <li>- Nếu sửa sản phẩm không thành công A1</li> <li>- Hệ thống sẽ cập nhật sản phẩm và trả về giao diện liệt kê sản phẩm</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	A1 Sửa sản phẩm không thành công
Điều kiện sau	Hệ thống hiển thị thông tin sản phẩm đã được sửa

Bảng 17: Usecase sửa sản phẩm

### ❖ Usecase xóa sản phẩm

Use Case – Xóa sản phẩm	
Tên	Xóa sản phẩm
Định nghĩa	Khi người quản trị muốn xóa sản phẩm
Actors	Quản trị
Điều kiện tiên quyết	Người quản trị cần phải đăng nhập vào hệ thống

Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người quản trị chọn giao diện quản lý sản phẩm và nhấn vào liệt kê sản phẩm</li> <li>- Người quản trị chọn một nút xóa tương ứng với mỗi sản phẩm.</li> <li>- Hệ thống sẽ hiển thị thông báo bạn có thật sự muốn xóa</li> <li>- Nhấn ok để xóa. Nhấn cancel và đến A1</li> <li>- Xóa danh mục sản phẩm thành công và trả về giao diện liệt kê danh mục sản phẩm</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	A1 Trả về màn hình danh sách sản phẩm và sản phẩm vẫn bình thường
Điều kiện sau	Thông tin sẽ được thay đổi

Bảng 18: Usecase xóa sản phẩm

#### ❖ Usecase thêm danh mục sản phẩm

Use Case – Thêm danh mục sản phẩm	
Tên	Thêm danh mục sản phẩm
Định nghĩa	Khi người quản trị hệ thống muốn thêm danh mục sản phẩm mới vào website
Actors	Quản trị
Điều kiện tiên quyết	Người quản trị cần phải đăng nhập vào hệ thống
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người quản trị chọn giao diện quản lý danh mục sản phẩm</li> <li>- Người quản trị chọn một nút them danh mục sản phẩm</li> <li>- Hiển thị Form nhập thông tin danh mục sản phẩm</li> <li>- Nhập thông tin sản phẩm chọn nút thêm danh mục sản phẩm</li> <li>- Nếu thêm danh mục sản phẩm không thành công A1</li> <li>- Hệ thống sẽ thêm danh mục sản phẩm vào cơ sở dữ liệu</li> </ul>

Dòng sự kiện thay thế	A1 Thêm thông tin danh mục sản phẩm không thành công
Điều kiện sau	Hệ thống hiển thị giao diện danh sách danh mục sản phẩm

Bảng 19: Usecase thêm danh mục sản phẩm

#### ❖ Usecase sửa danh mục sản phẩm

Use Case – Sửa danh mục sản phẩm	
Tên	Sửa danh mục sản phẩm
Định nghĩa	Khi người quản trị hệ thống muốn sửa lại thông tin danh mục sản phẩm
Actors	Quản trị
Điều kiện tiên quyết	Người quản trị cần phải đăng nhập vào hệ thống
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người quản trị chọn giao diện quản lý danh mục sản phẩm và nhấn vào liệt kê sản phẩm</li> <li>- Người quản trị chọn một nút sửa danh mục sản phẩm</li> <li>- Form hiển thị thông tin danh mục sản phẩm cần sửa</li> <li>- Nhập thông tin danh mục sản phẩm muốn sửa chọn nút cập nhật danh mục sản phẩm</li> <li>- Nếu sửa danh mục sản phẩm không thành công A1</li> <li>- Hệ thống sẽ cập nhật danh mục sản phẩm và trả về giao diện liệt kê danh mục sản phẩm</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	A1 Sửa danh mục sản phẩm không thành công
Điều kiện sau	Hệ thống hiển thị thông tin danh mục sản phẩm đã được sửa

Bảng 20: Usecase sửa danh mục sản phẩm

❖ Usecase xóa danh mục sản phẩm

Use Case – Xóa danh mục sản phẩm	
Tên	Xóa danh mục sản phẩm
Định nghĩa	Khi người quản trị muốn xóa danh mục sản phẩm
Actors	Quản trị
Điều kiện tiên quyết	Người quản trị cần phải đăng nhập vào hệ thống
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người quản trị chọn giao diện quản lý danh mục sản phẩm và nhấn vào liệt kê danh mục sản phẩm</li> <li>- Người quản trị chọn một nút xóa tương ứng với mỗi danh mục sản phẩm.</li> <li>- Hệ thống sẽ hiển thị thông báo bạn có thật sự muốn xóa</li> <li>- Nhấn ok để xóa. Nhấn cancel và đến A1</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- A1 Sửa danh mục sản phẩm không thành công</li> <li>- Xóa danh mục sản phẩm thành công và trả về giao diện liệt kê danh mục sản phẩm</li> </ul>
Điều kiện sau	Hệ thống hiển thị thông tin danh mục sản phẩm đã được xóa

Bảng 21: Usecase xóa danh mục sản phẩm

❖ Usecase thêm mã giảm giá

Use Case – Thêm mã giảm giá	
Tên	Mã giảm giá
Định nghĩa	Khi người quản trị hệ thống muốn thêm mã giảm giá mới vào website
Actors	Quản trị
Điều kiện tiên quyết	Người quản trị cần phải đăng nhập vào hệ thống

Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người quản trị chọn giao diện quản lý mã giảm giá</li> <li>- Người quản trị chọn một nút thêm mã giảm giá</li> <li>- Hiển thị Form nhập thông tin mã giảm giá</li> <li>- Nhập thông tin mã giảm giá chọn nút thêm mã giảm giá</li> <li>- Nếu thêm mã giảm giá không thành công A1</li> <li>- Hệ thống sẽ thêm mã giảm giá vào cơ sở dữ liệu</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	A1 Thêm thông tin mã giảm giá không thành công
Điều kiện sau	Hệ thống hiển thị giao diện danh sách mã giảm giá

Bảng 22: Usecase thêm mã giảm giá

#### ❖ Usecase sửa mã giảm giá

Use Case – Sửa mã giảm giá	
Tên	Mã giảm giá
Định nghĩa	Khi người quản trị hệ thống muốn sửa lại thông tin mã giảm giá
Actors	Quản trị
Điều kiện tiên quyết	Người quản trị cần phải đăng nhập vào hệ thống
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người quản trị chọn giao diện quản lý mã giảm giá</li> <li>- Người quản trị chọn một nút sửa mã giảm giá</li> <li>- Form hiển thị thông tin mã giảm giá cần sửa</li> <li>- Nhập thông tin mã giảm giá muốn sửa chọn nút cập nhật mã giảm giá</li> <li>- Nếu sửa danh mục sản phẩm không thành công A1</li> <li>- Hệ thống sẽ cập nhật mã giảm giá và trả về giao diện liệt kê danh mục sản phẩm</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	A1 Sửa mã giảm giá không thành công
Điều kiện sau	Hệ thống hiển thị thông tin mã giảm giá đã được sửa

Bảng 23: Usecase sửa mã giảm giá

❖ Usecase xóa mã giảm giá

Use Case – Xóa mã giảm giá	
Tên	Mã giảm giá
Định nghĩa	Khi người quản trị muốn xóa mã giảm giá
Actors	Quản trị
Điều kiện tiên quyết	Người quản trị cần phải đăng nhập vào hệ thống
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người quản trị chọn giao diện quản lý mã giảm giá và nhấn vào liệt kê mã giảm giá</li> <li>- Người quản trị chọn một nút xóa tương ứng với mỗi mã giảm giá.</li> <li>- Hệ thống sẽ hiển thị thông báo bạn có thật sự muốn xóa</li> <li>- Nhấn ok để xóa. Nhấn cancel và đến A1</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	A1 Sửa danh mục sản phẩm không thành công. Xóa mã giảm giá sản phẩm thành công và trả về giao diện liệt kê mã giảm giá
Điều kiện sau	Hệ thống hiển thị thông tin mã giảm giá đã được xóa

Bảng 24: Usecase xóa mã giảm giá

❖ Usecase thêm chương trình Flash Sale

Use Case – Thêm chương trình flash sale	
Tên	Flash sale
Định nghĩa	Khi người quản trị hệ thống muốn thêm chương trình flash sale mới
Actors	Quản trị
Điều kiện tiên quyết	Người quản trị cần phải đăng nhập vào hệ thống

Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người quản trị chọn giao diện quản lý flash sale</li> <li>- Người quản trị chọn một nút thêm mới flash sale</li> <li>- Form hiển thị thông tin cần thêm chương trình flash sale mới</li> <li>- Nhập thông tin chương tình flash sale chọn nút thêm mới</li> <li>- Nếu thêm mới không thành công chương trình thì quay lại trang trước</li> <li>- Hệ thống sẽ cập nhật chương trình flash sale và trả về giao diện liệt kê chương trình flash sale</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	A1 thêm mới chương trình flash sale không thành công
Điều kiện sau	Hệ thống hiển thị thông tin flash sale đã được thêm

Bảng 25: Usecase thêm chương trình Flash Sale

#### ❖ Usecase sửa chương trình Flash Sale

Use Case – Sửa chương trình flash sale	
Tên	Flash sale
Định nghĩa	Khi người quản trị hệ thống muốn sửa chương trình flash sale mới
Actors	Quản trị
Điều kiện tiên quyết	Người quản trị cần phải đăng nhập vào hệ thống
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người quản trị chọn giao diện quản lý flash sale</li> <li>- Người quản trị chọn một nút sửa flash sale</li> <li>- Form hiển thị thông tin cần sửa chương trình flash sale được chọn</li> <li>- Nhập thông tin cần sửa chương tình flash sale chọn nút lưu</li> <li>- Nếu lưu mới không thành công chương trình thì quay lại trang trước</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	A1 sửa chương trình flash sale không thành công

Điều kiện sau	Hệ thống hiển thị trang thông tin tất cả chương trình flash sale
---------------	--

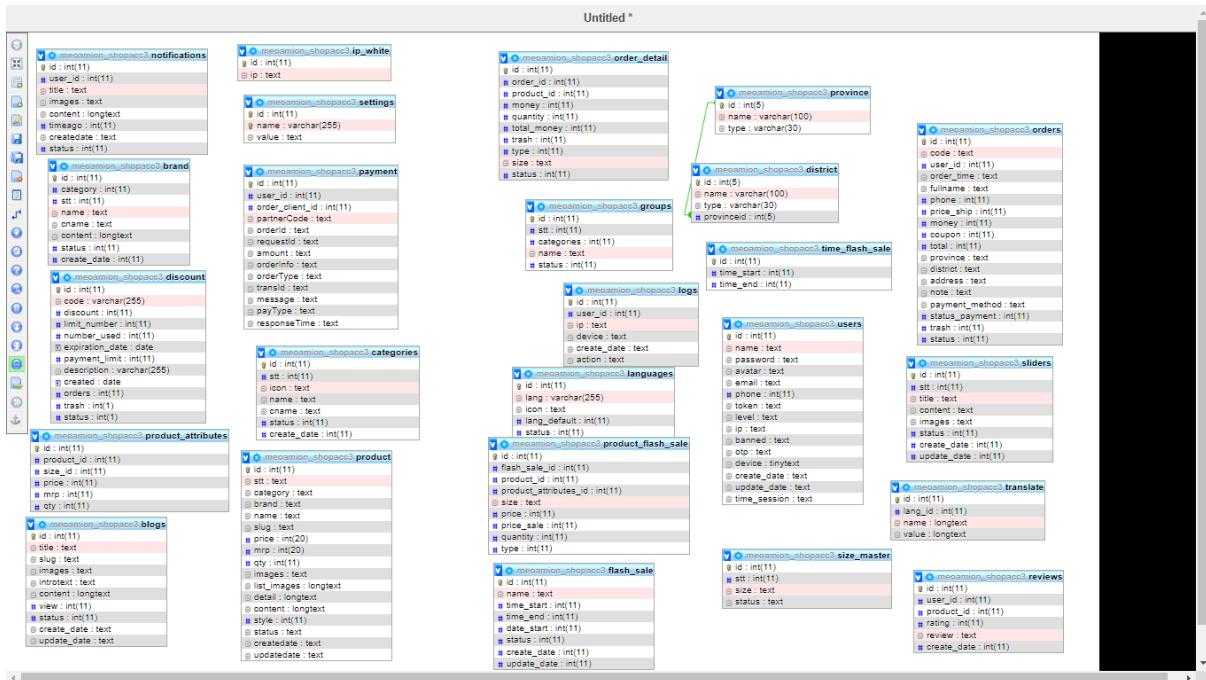
Bảng 26: Usecase sửa chương trình Flash Sale

❖ Usecase xóa chương trình Flash Sale

Use Case – Xóa chương trình flash sale	
Tên	Flash sale
Định nghĩa	Khi người quản trị hệ thống muốn xóa chương trình flash sale mới
Actors	Quản trị
Điều kiện tiên quyết	Người quản trị cần phải đăng nhập vào hệ thống
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người quản trị chọn giao diện quản lý flash sale</li> <li>- Người quản trị chọn một nút xóa flash sale</li> <li>- Nếu xóa không thành công chương trình thì quay lại trang trước</li> <li>- Hệ thống sẽ cập nhật chương trình flash sale và trả về giao diện liệt kê chương trình flash sale</li> </ul>
Dòng sự kiện thay thế	A1 xóa chương trình flash sale không thành công
Điều kiện sau	Hệ thống hiển thị thông tin flash sale

Bảng 27: Usecase xóa chương trình Flash Sale

## 1.5. Sơ đồ quan hệ cơ sở dữ liệu của hệ thống



Hình 17: Database diagram

## 1.6. Cấu trúc cơ sở dữ liệu

### 1.6.1. Cấu trúc tổng quan CSDL

STT	Tên	Mô tả
1	users	Danh sách thông tin tài khoản
2	products	Danh sách thông tin các sản phẩm
3	type_product	Danh sách hãng sản xuất của sản phẩm
4	bills	Danh sách thông tin các đơn hàng
5	bills_detail	Danh sách thông tin chi tiết các đơn hàng
6	customer	Danh sách thông tin các khách hàng đã đặt hàng
7	slide	Danh sách thông tin các slide
8	coupon	Danh sách thông tin các mã giảm giá
9	rating	Danh sách thông tin đánh giá sản phẩm
10	statistical	Danh sách thống kê các đơn hàng
11	payments	Danh sách thông tin thanh toán online
12	post	Danh sách thông tin ngôn ngữ

13	visitors	Danh sách thông tin các lượt truy cập vào website
----	----------	---

Bảng 28: Bảng cấu trúc tổng quan CSDL

### 1.6.2. Chi tiết CSDL

#### ❖ Bảng thông tin tài khoản

Field name	Type	Max Length	Description
id	Int	11	Lưu id Khách hàng (KH), tự động tăng
name	Text		Lưu họ và tên
email	Text		Lưu email
password	Text		Lưu mật khẩu
phone	Int	11	Lưu số điện thoại
address	Text		Lưu địa chỉ
token	Text		Lưu user token khi KH
level	Int	10	Lưu quyền hạn
ip	Text		Lưu địa chỉ ip mạng người dùng
banned	Text		Trạng thái active/block tài khoản
otp	Text		Dùng để sử dụng khôi phục mật khẩu người dùng
device	Text		Lưu thiết bị người dùng
create_date	Text		Lưu ngày tạo tài khoản của người dùng
Time_session	Text		Ghi lại hoạt động gần nhất của người dùng

Bảng 29: Bảng thông tin tài khoản

❖ **Bảng thông tin sản phẩm**

Field name	Type	Max Length	Description
id	int	10	Lưu id sản phẩm (SP), tự động tăng
stt	Text		Lưu số thứ tự hiện thị sản phẩm
category	Text		Lưu id danh mục sản phẩm
brand	Text		Lưu id thương hiệu sản phẩm
name	Text		Lưu tên sản phẩm
slug	Text		Lưu link sản phẩm
price	Text		Lưu giá bán
mrp	Text		Lưu giá khuyến mãi
qty	int	11	Lưu số lượng
images	Text		Lưu hình ảnh của SP
list_images	Text		Lưu danh sách ảnh
detail	Longtext		Lưu mô tả sản phẩm
content	Longtext		Lưu nội dung sản phẩm
style	int		Loại sản phẩm
status	Text		Lưu trạng thái hiện thị
createdate	Text		Lưu thời gian tạo sản phẩm
updatedate	Text		Lưu thời gian cập nhật sản phẩm

Bảng 30: Bảng thông tin sản phẩm

❖ **Bảng thông tin size sản phẩm**

Field name	Type	Max Length	Description
id	int	10	Lưu id tự động tăng
product_id	int	11	Lưu id sản phẩm
size_id	int	11	Lưu id size
price	int	11	Giá bán
mrp	int	11	Giá khuyến mãi

Bảng 31: Bảng thông tin size sản phẩm

❖ **Bảng thông tin thương hiệu**

Field name	Type	Max Length	Description
id	int	11	Lưu id thương hiệu sản phẩm, tự động tăng
stt	int	11	Lưu số thứ tự hiển thị
category	int	11	Lưu danh mục
name	Text		Lưu tên thương hiệu
cname	Text		Lưu link thương hiệu
images	Text		Lưu hình ảnh thương hiệu
status	int	11	Lưu trạng thái hiển thị
create_date	int	11	Lưu ngày tạo thương hiệu

*Bảng 32: Bảng thông tin thương hiệu*

❖ **Bảng thông tin đơn hàng**

Field name	Type	Max Length	Description
id	int	11	Lưu id đơn hàng, tự động tăng
user_id	int	11	Lưu mã khách hàng đặt đơn
code	Text		Lưu mã hóa đơn
fullname	Text		Lưu họ tên khách hàng
phone	int		Lưu số điện thoại khách hàng
money	int	255	Lưu số tiền
coupon	int	10	Lưu số tiền khi dùng mã giảm giá
total	int		Lưu tổng tiền
province	int		Lưu id của tỉnh
district	int		Lưu id của quận/huyện
address	Text		Lưu địa chỉ
note	Text		Lưu ghi chú từ khách hàng
payment_method	Text		Hình thức thanh toán
status_payment	int		Trạng thái thanh toán
trash	int		Trạng thái thùng rác
status	int		Trạng thái đơn hàng

Bảng 33: Bảng thông tin đơn hàng

❖ **Bảng thông tin chi tiết đơn hàng**

Field name	Type	Max Length	Description
id	int	11	Lưu id chi tiết đơn hàng, tự động tăng
order_id	int	11	Lưu id đơn hàng
product_id	int	1	Lưu id sản phẩm
money	int	11	Lưu giá tiền của sản phẩm
quantity	int	11	Lưu số lượng
total_money	int	11	Lưu tổng tiền

Bảng 34: Bảng thông tin chi tiết đơn hàng

❖ **Bảng thông tin khách hàng đặt hàng**

Field name	Type	Max Length	Description
id	int	11	Lưu id KH thanh toán online, tự động tăng
user_id	int	11	Lưu id của KH đã đặt hàng
order_client_id	int	11	Lưu id của đơn hàng
partnerCode	Text		Lưu mã code thanh toán online
orderId	Text		Lưu mã đơn thanh toán online
amount	Text		Lưu số tiền đã thanh toán online
orderInfo	Text		Lưu thông tin thanh toán
transId	Text		Lưu mã giao dịch
message	Text		Lưu trạng thái
payType	Text		Phương thức thanh toán
responseTime	Text		Thời gian thanh toán

Bảng 35: Bảng thông tin khách hàng đặt hàng

❖ **Bảng thông tin ngôn ngữ**

Field name	Type	Max Length	Description
id	int	10	Lưu id ngôn ngữ, tự động tăng
lang	varchar	255	Lưu tên ngôn ngữ
icon	Text		Lưu hình ảnh ngôn ngữ
lang_default	int	11	Lưu mặc định ngôn ngữ
status	int	11	Lưu trạng thái hiển thị

Bảng 36: Bảng thông tin ngôn ngữ

❖ **Bảng thông tin mã giảm giá**

Field name	Type	Max Length	Description
id	int	11	Lưu id mã giảm giá, tự động tăng
code	varchar	255	Lưu mã giảm giá
discount	int	11	Lưu số tiền giảm giá
limit_number	int	11	Lưu giới hạn số lượng sử dụng
number_used	int	11	Lưu số lượng đã sử dụng
expiration_date	DATE		Lưu ngày hết hạn
payment_limit	int	11	Lưu giới hạn đơn hàng tối thiểu
description	varchar	255	Lưu mô tả
created	int	11	Lưu ngày tạo
status	int	11	Lưu id người dùng sử dụng mã giảm giá

Bảng 37: Bảng thông tin mã giảm giá

❖ **Bảng thông tin slide**

Field name	Type	Max Length	Description
id	int	11	Lưu id slide, tự động tăng
title	varchar	255	Lưu tiêu đề slider
images	varchar	255	Lưu hình ảnh slider
content	varchar	255	Lưu nội dung slider

status	int	11	Lưu trạng thái slider
--------	-----	----	-----------------------

Bảng 38: Bảng thông tin slide

#### ❖ Bảng thông tin Flash Sale

Field name	Type	Max Length	Description
id	int	11	Lưu id đánh giá, tự động tăng
user_id	int	11	Lưu id khách hàng
product_id	int	11	Lưu id sản phẩm
rating	int	11	Lưu số lượng đánh giá
review	Text		Lưu nội dung đánh giá

Bảng 39: Bảng thông tin Flash Sale

#### ❖ Bảng thông tin chi tiết Flash Sale

Field name	Type	Max Length	Description
id	int	11	Lưu id tự động tăng
flash_sale_id	int	11	Lưu id Flash Sale
product_id	int	11	Lưu id sản phẩm
product_attributes_id	int	11	Lưu id sản phẩm có size
size	int	11	Size sản phẩm
price	int	11	Lưu giá sản phẩm
price_sale	int	11	Lưu giá Flash Sale
quantity	int	11	Lưu số lượng
type	int	11	Loại sản phẩm

Bảng 40: Bảng thông tin chi tiết Flash Sale

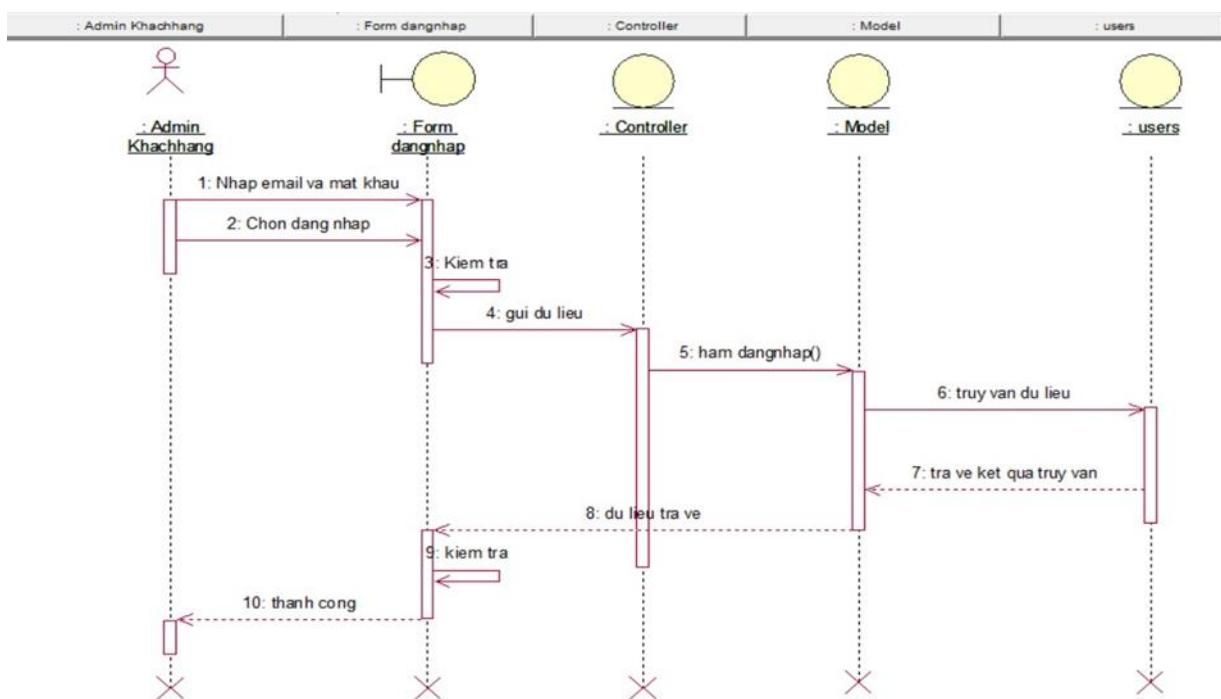
❖ **Bảng thông tin chi tiết size sản phẩm**

Field name	Type	Max Length	Description
id	int	11	Lưu id tự động tăng
stt	int	11	Số thứ tự hiển thị
size	int	11	Tên size
status	int	11	Trạng thái

Bảng 41: Bảng thông tin chi tiết size sản phẩm

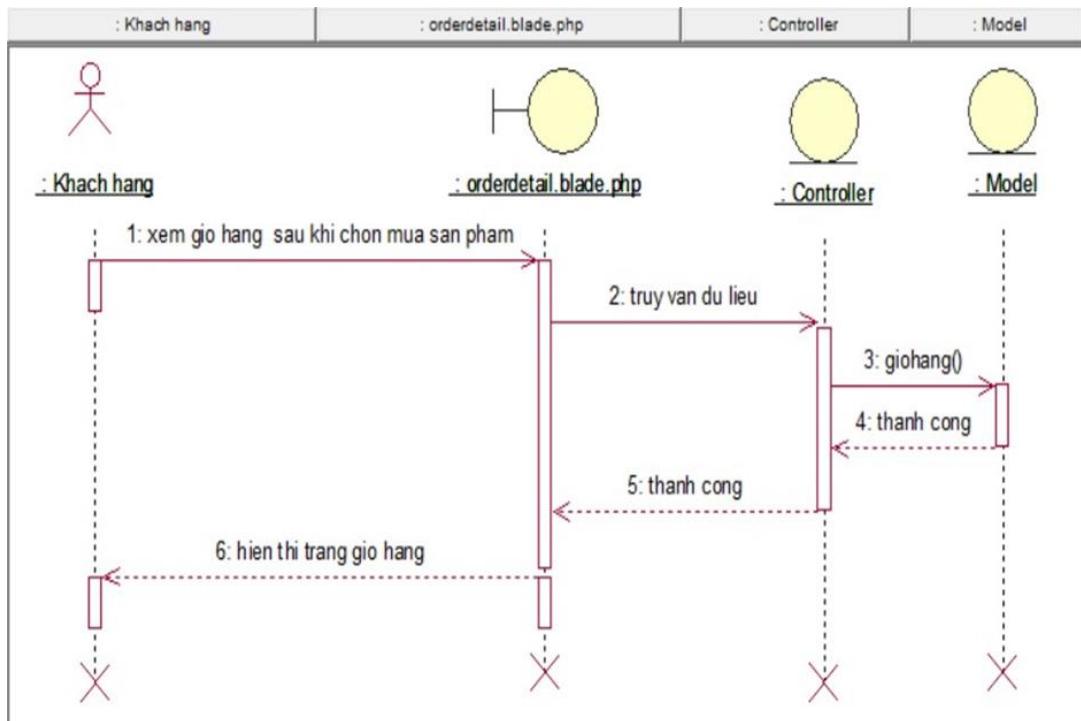
### 1.7. Sơ đồ tuần tự

❖ **Biểu đồ tuần tự đăng nhập**



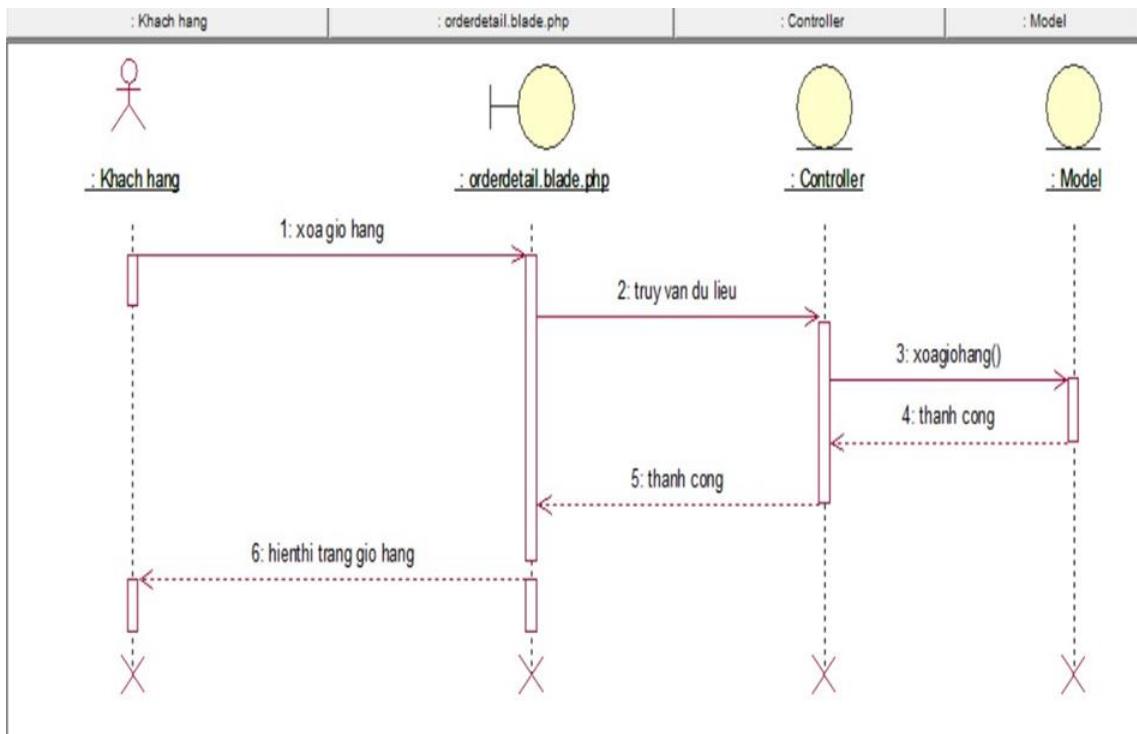
Hình 18: Biểu đồ tuần tự đăng nhập

## ❖ Biểu đồ tuần tự xem giỏ hàng



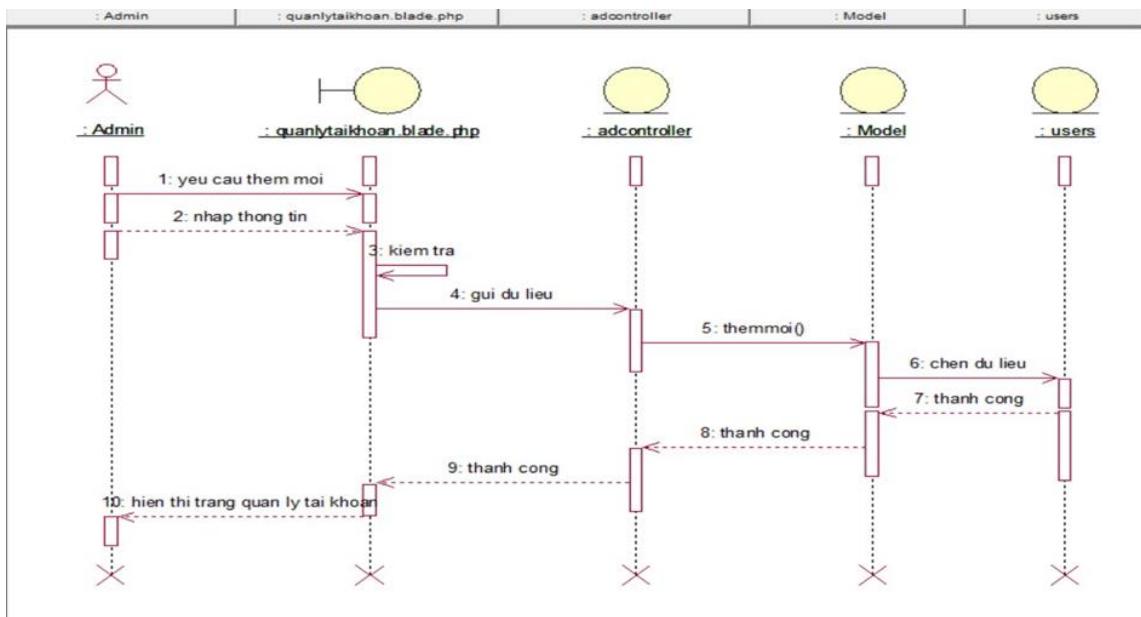
Hình 19: Biểu đồ tuần tự xem giỏ hàng

## ❖ Biểu đồ tuần tự xóa giỏ hàng



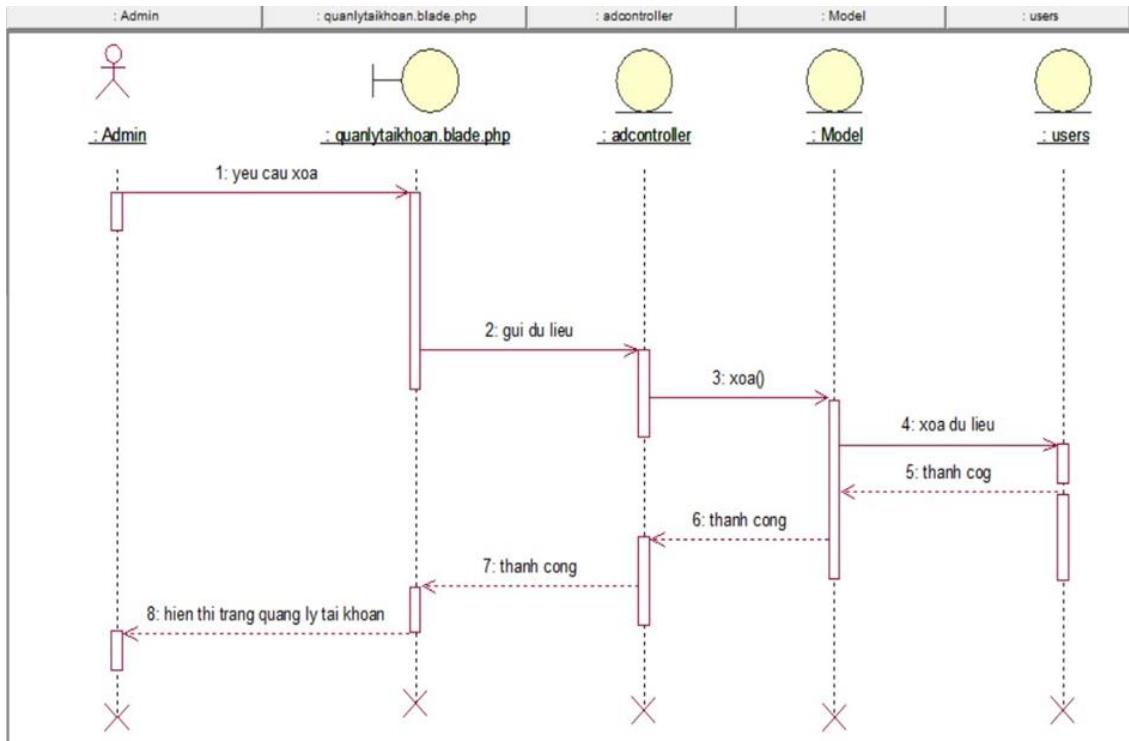
Hình 20: Biểu đồ tuần tự xóa giỏ hàng

## ❖ Biểu đồ tuần tự thêm người dùng



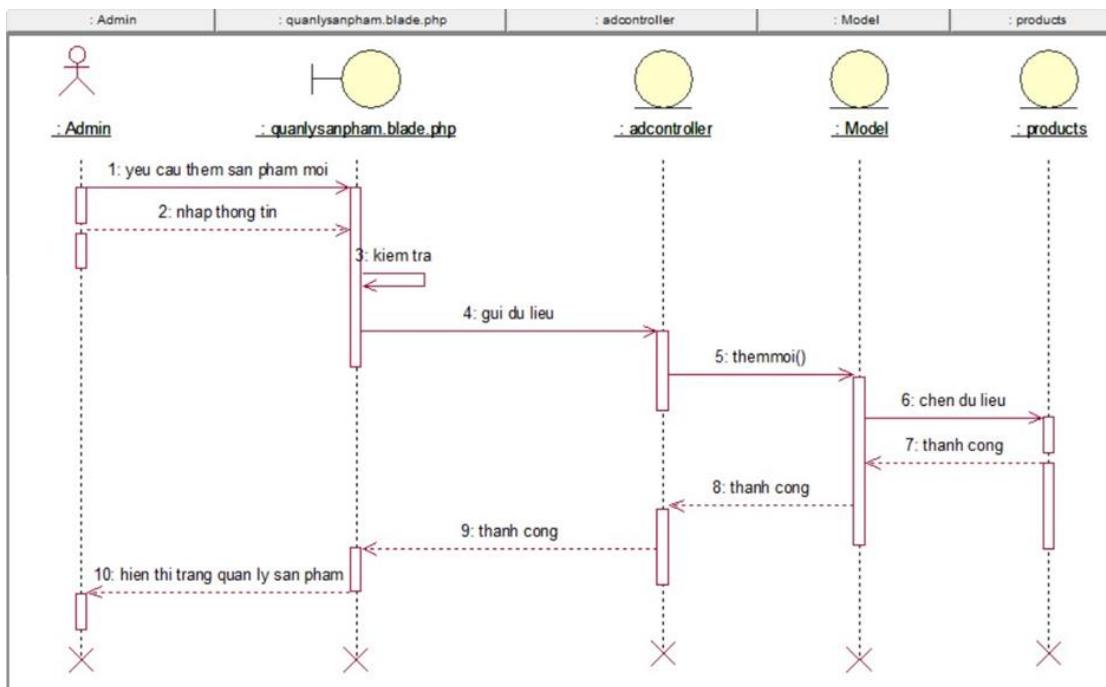
Hình 21: Biểu đồ tuần tự thêm người dùng

## ❖ Biểu đồ tuần tự xóa người dùng



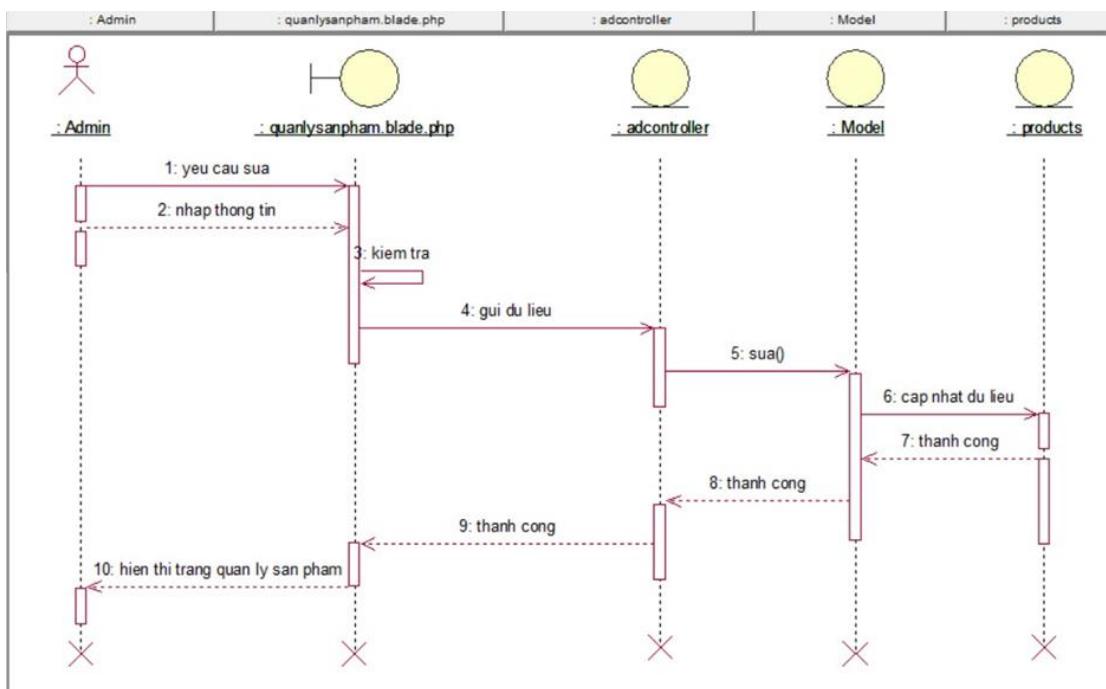
Hình 22: Biểu đồ tuần tự xóa người dùng

## ❖ Biểu đồ tuần tự thêm sản phẩm



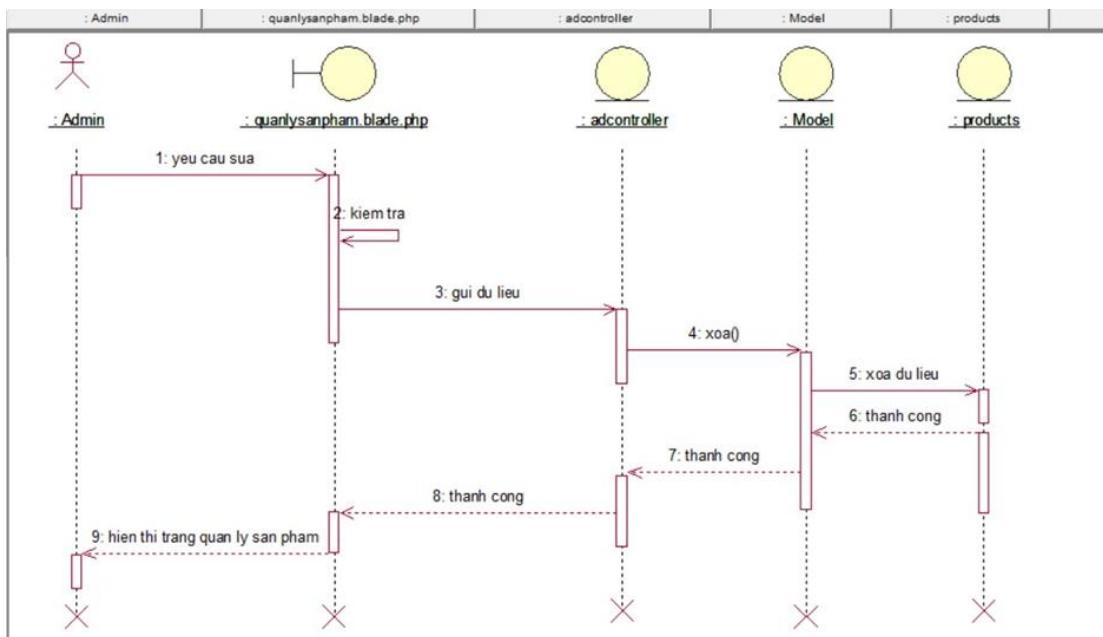
Hình 23: Biểu đồ tuần tự thêm sản phẩm

## ❖ Biểu đồ tuần tự chỉnh sửa sản phẩm



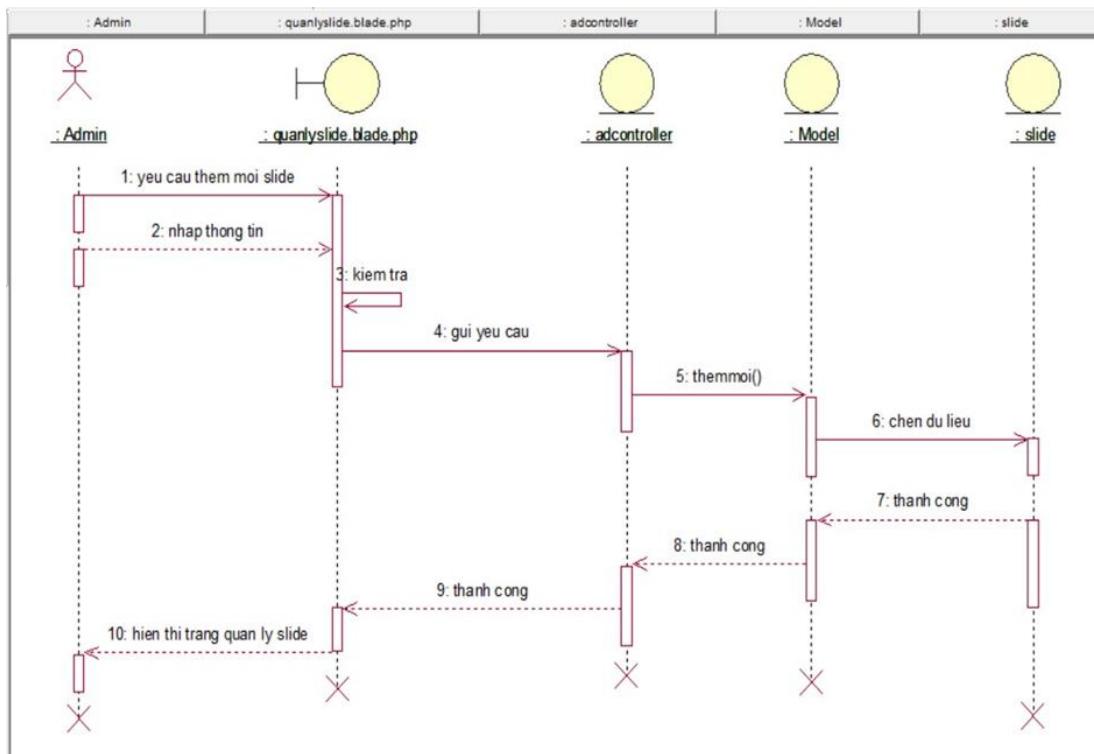
Hình 24: Biểu đồ tuần tự chỉnh sửa sản phẩm

## ❖ Biểu đồ tuần tự xóa sản phẩm



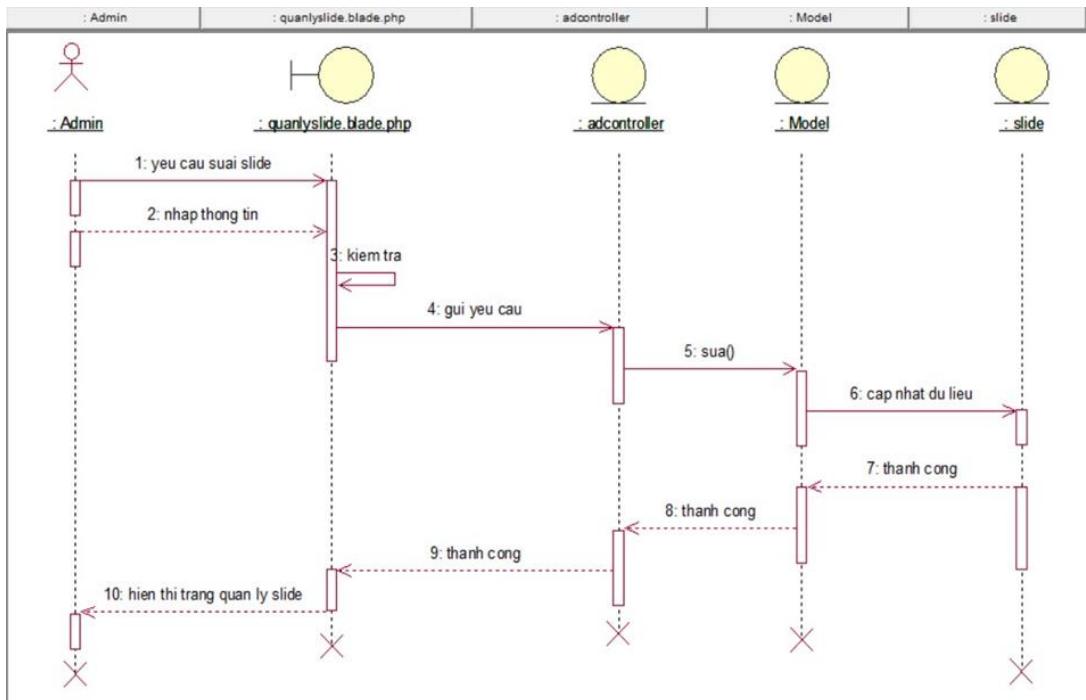
Hình 25: Biểu đồ tuần tự xóa sản phẩm

## ❖ Biểu đồ tuần tự thêm slide



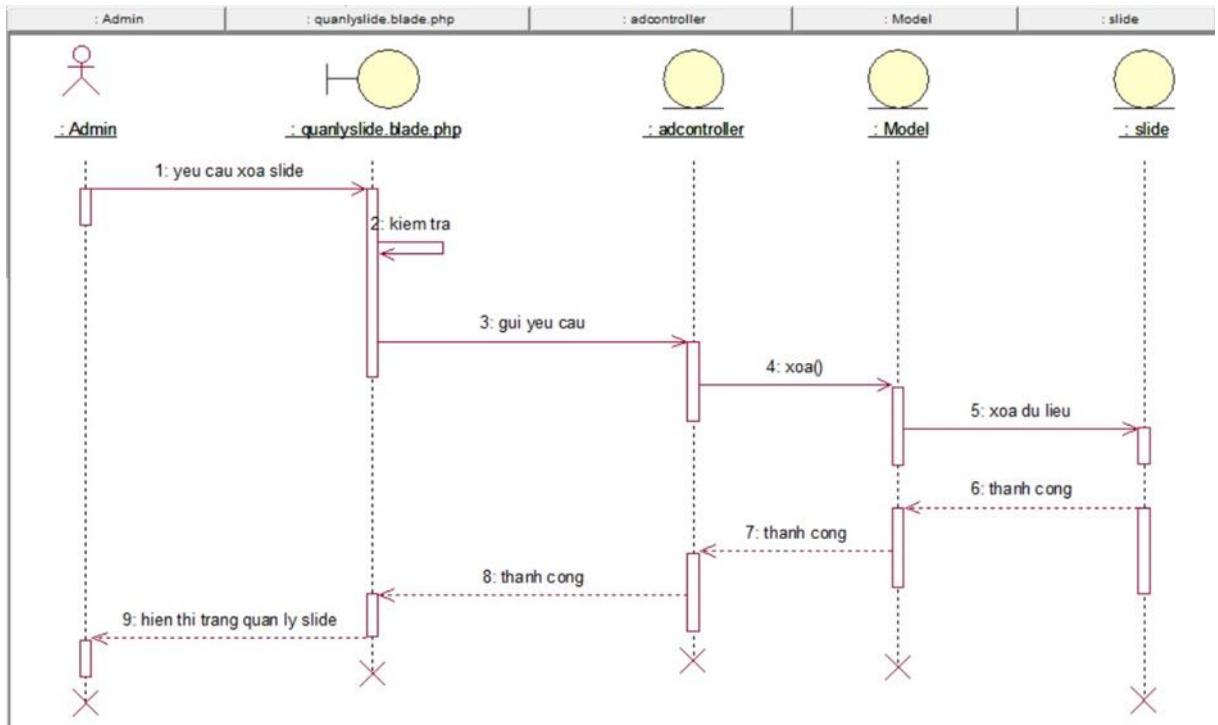
Hình 26: Biểu đồ tuần tự thêm slide

## ❖ Biểu đồ tuần tự chỉnh sửa slide



Hình 27: Biểu đồ tuần tự chỉnh sửa slide

## ❖ Biểu đồ tuần tự xóa slide

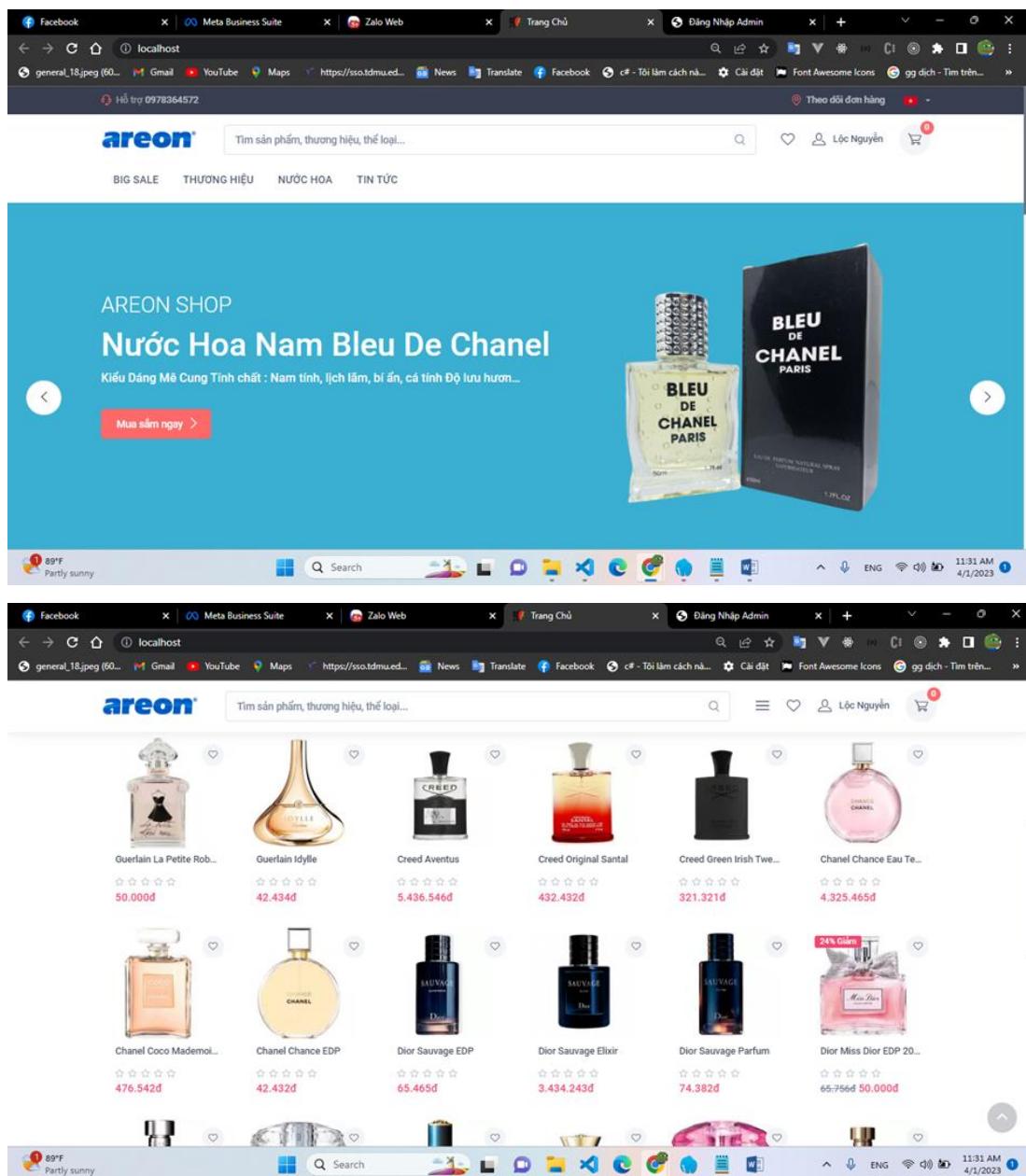


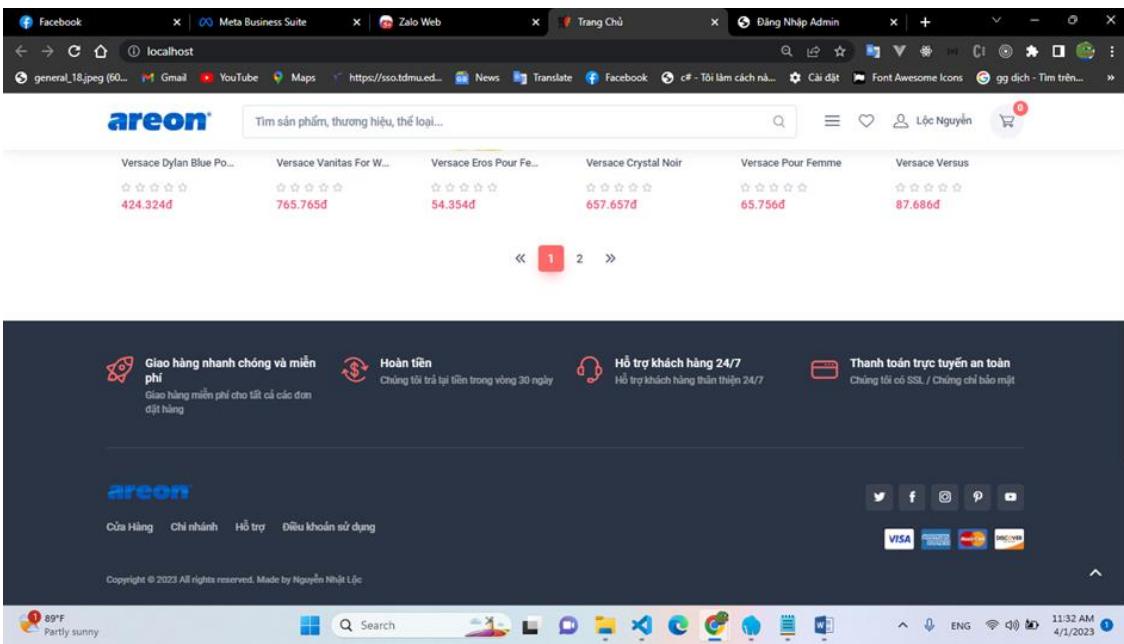
Hình 28: Biểu đồ tuần tự xóa slide

# CHƯƠNG 3: GIAO DIỆN WEBSITE

## 1. Các màn hình chính

### 1.1. Giao diện trang chủ



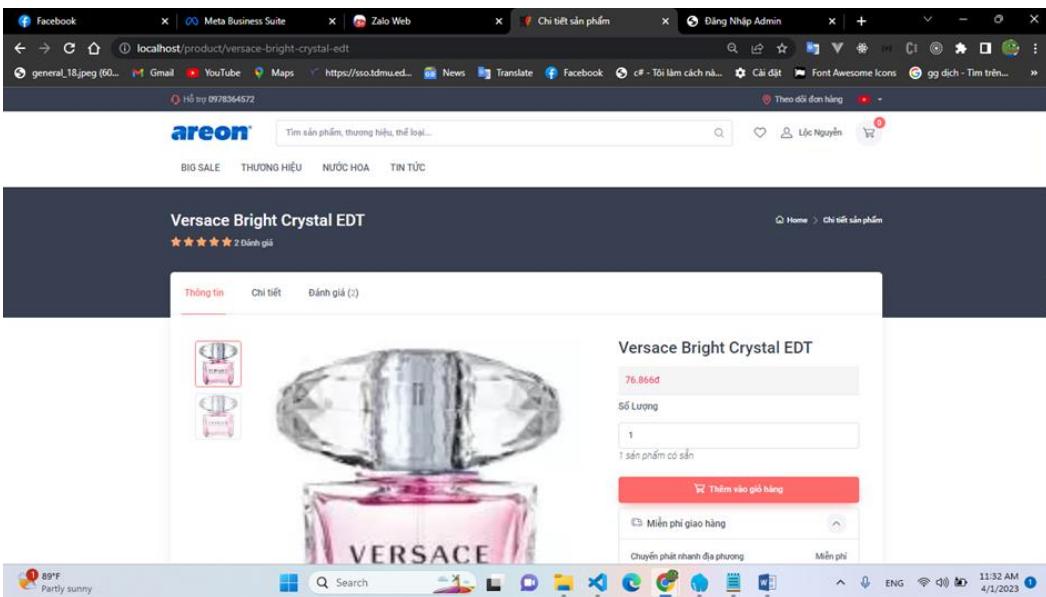


Hình 29: Giao diện trang chủ

**Mục đích:** giao diện này cho người dùng xem được các danh sách sản phẩm nổi bật và mới nhất. Menu tổng quát các danh mục sản phẩm, các mặt hàng hot nhất, sản phẩm mới, sản phẩm giá tốt nhất của shop,...

**Chức năng:** trang này cho phép người dùng có thể chọn được các chức năng chính khác của trang web và có thể chuyển hướng đến trang đó như: tài khoản, các danh mục các loại sản phẩm, tin tức, liên hệ, xem chi tiết sản phẩm,...

## 1.2. Giao diện trang chi tiết sản phẩm

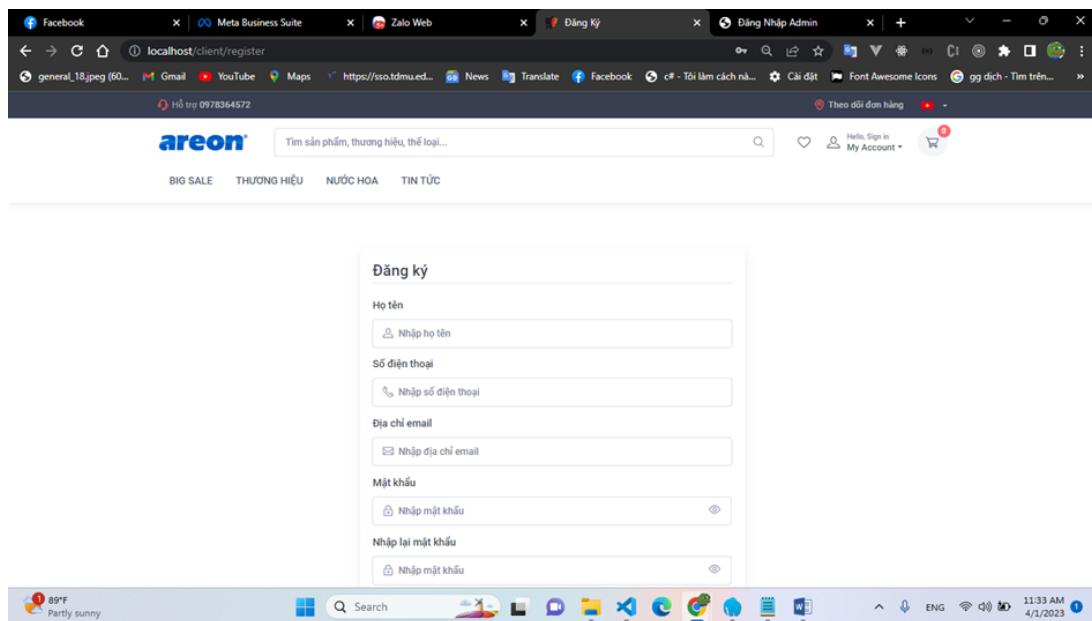


Hình 30: Giao diện trang chi tiết sản phẩm

**Mục đích:** khách hàng xem được các thông tin chi tiết về sản phẩm như: hình ảnh trực quan về sản phẩm, các thông tin về đơn giá, kiểu dáng, mã sản phẩm...

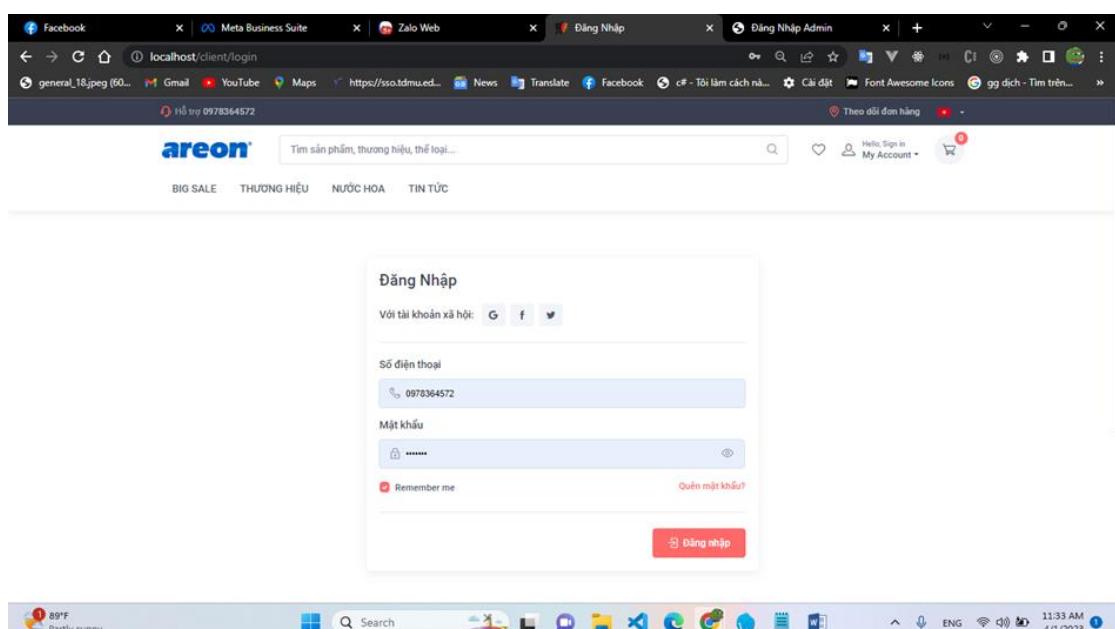
**Chức năng:** khách hàng chọn xem các thông tin chi tiết sản phẩm, lựa chọn sản phẩm vào giỏ hàng...

### 1.3. Giao diện trang đăng ký



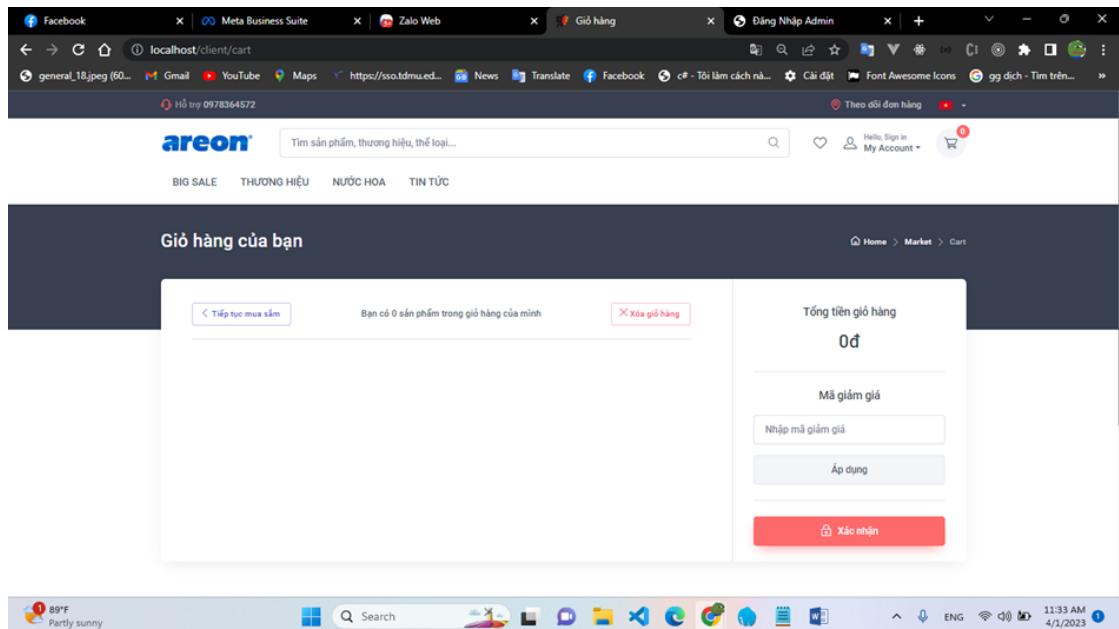
Hình 31: Giao diện trang đăng ký

### 1.4. Giao diện trang đăng nhập



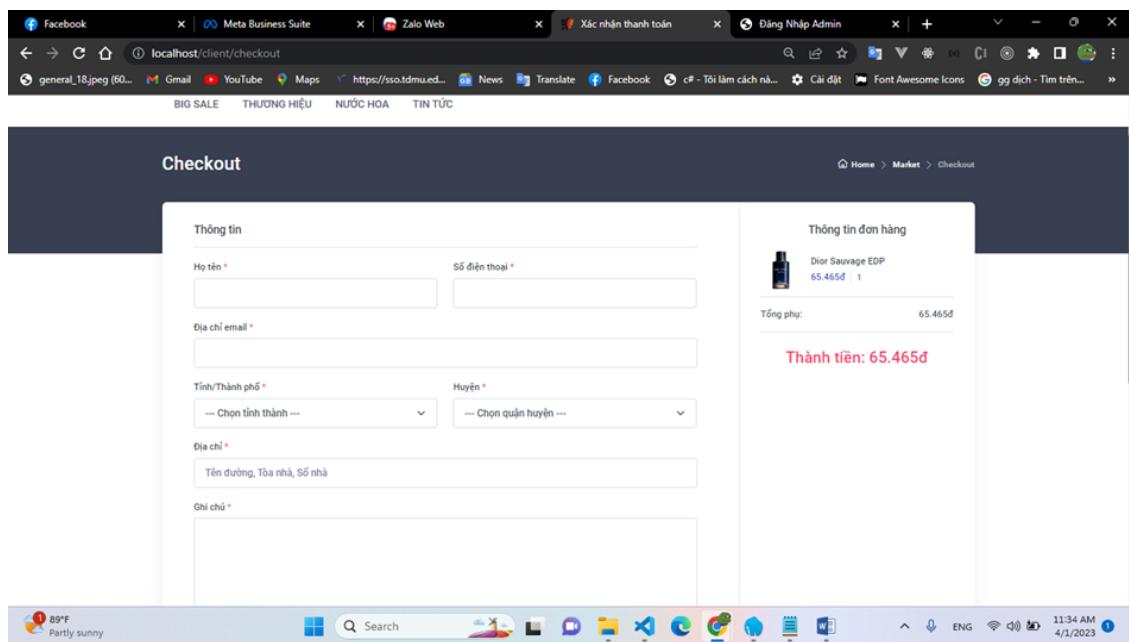
Hình 32: Giao diện trang đăng nhập

## 1.5. Giao diện giỏ hàng



Hình 33: Giao diện giỏ hàng

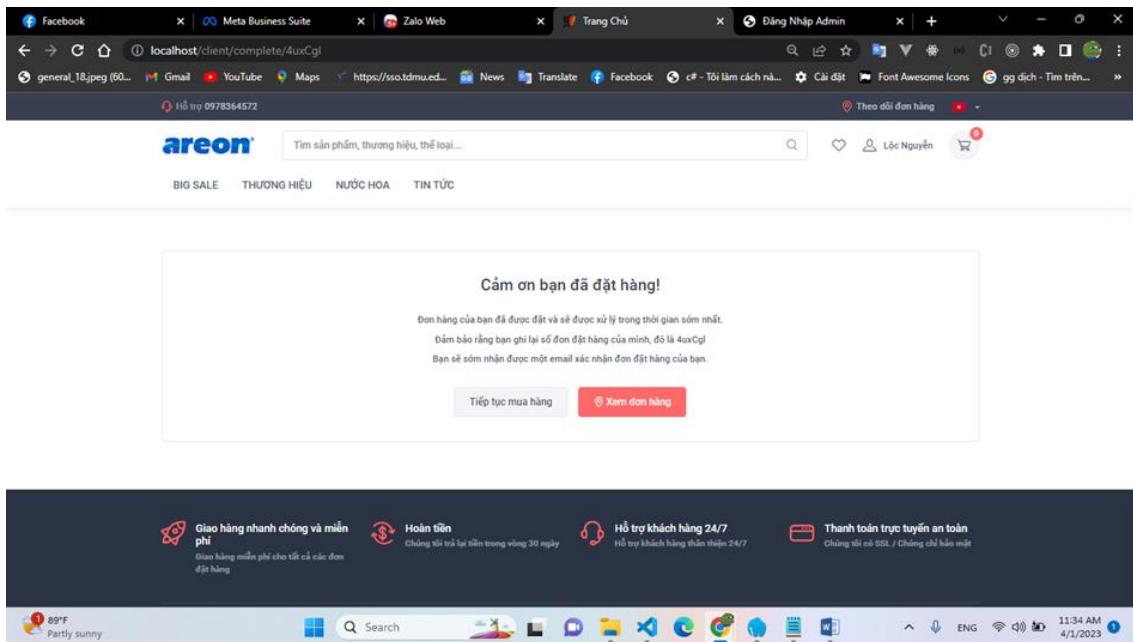
## 1.6. Giao diện trang thông tin đơn hàng



Hình 34: Giao diện trang thông tin đơn hàng

**Mục đích:** khách hàng xem được các thông tin cần nhập để mua sản phẩm: họ tên, số điện thoại, địa chỉ email, tỉnh/thành phố, huyện, địa chỉ, ghi chú, phương thức thanh toán...

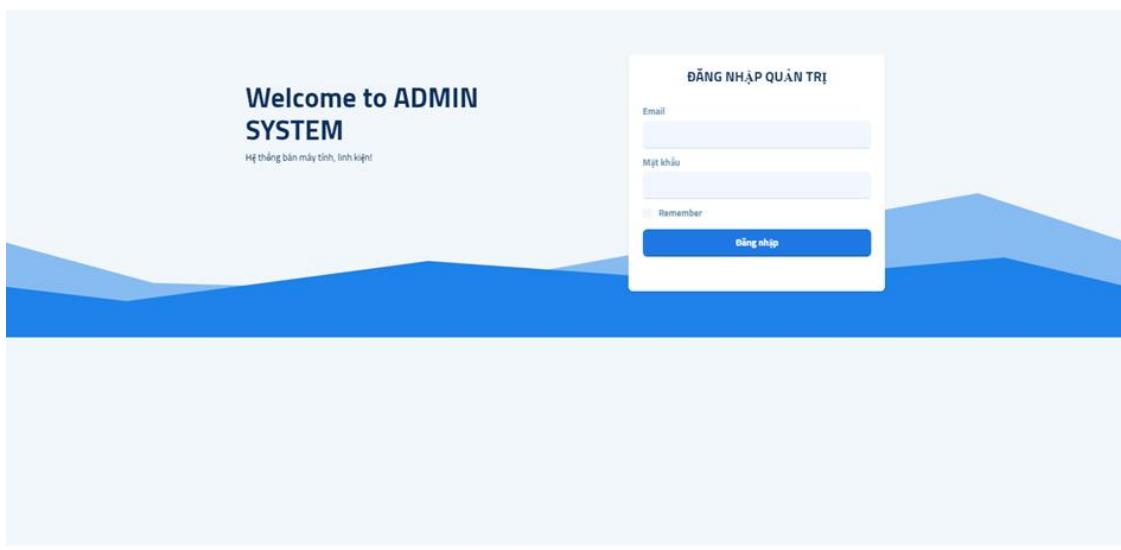
## 1.7. Giao diện trang sau khi đặt hàng

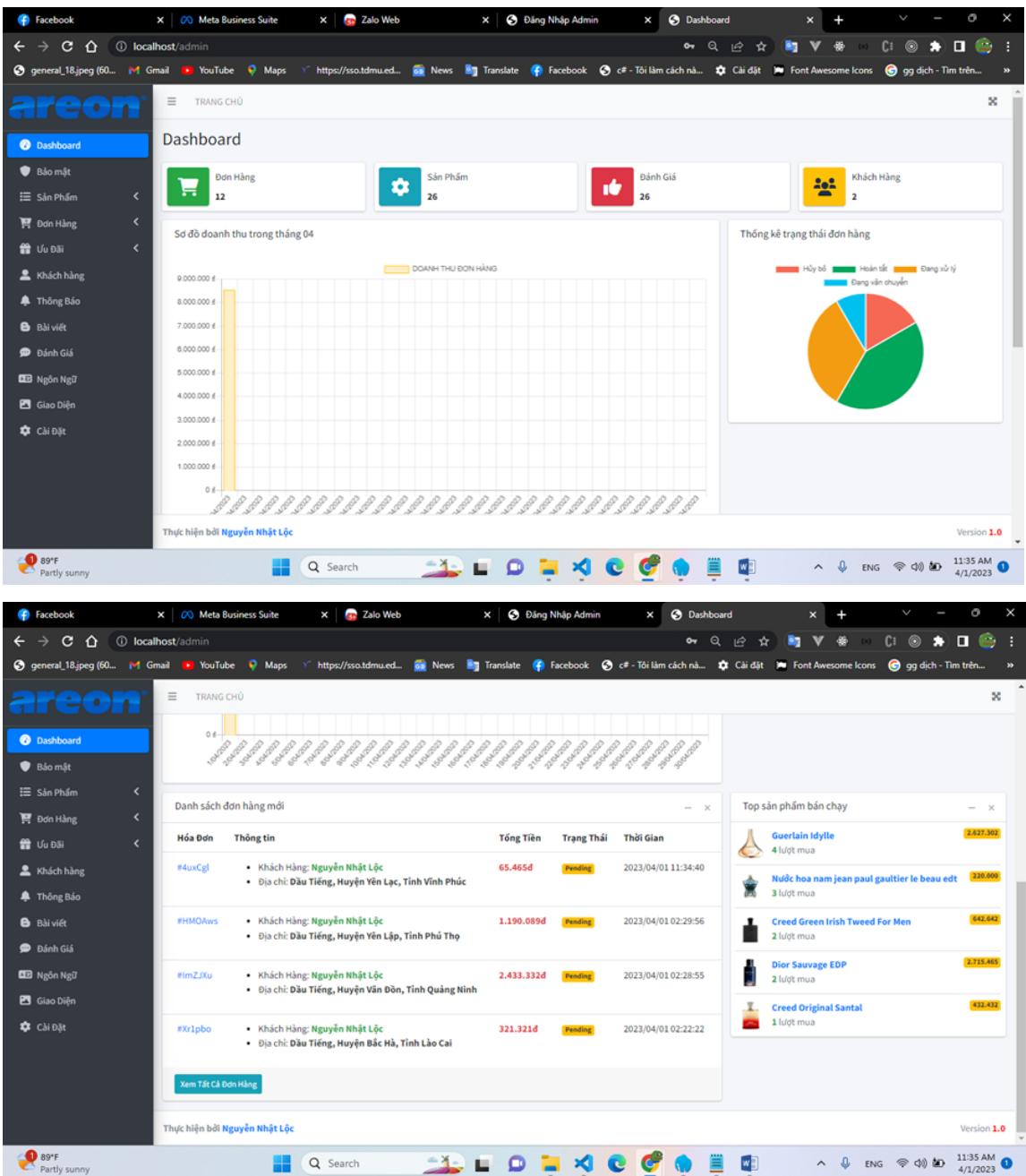


Hình 35: Giao diện trang sau khi đặt hàng

**Mục đích:** giúp cho khách hàng có sự lựa chọn xem đơn hàng hoặc tiếp tục mua hàng.

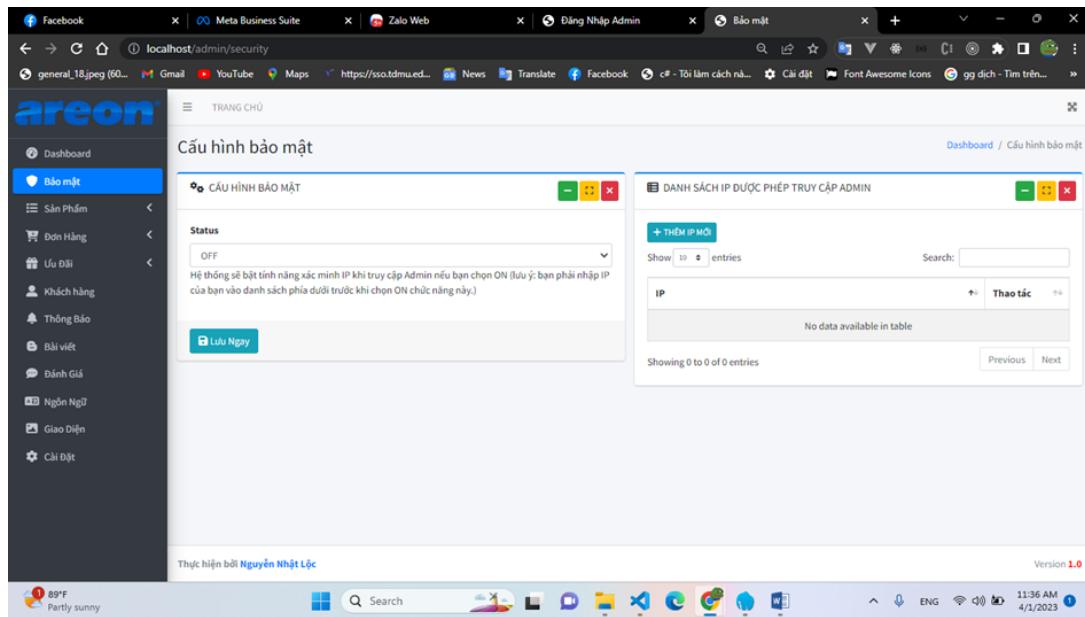
## 1.8. Giao diện trang quản trị





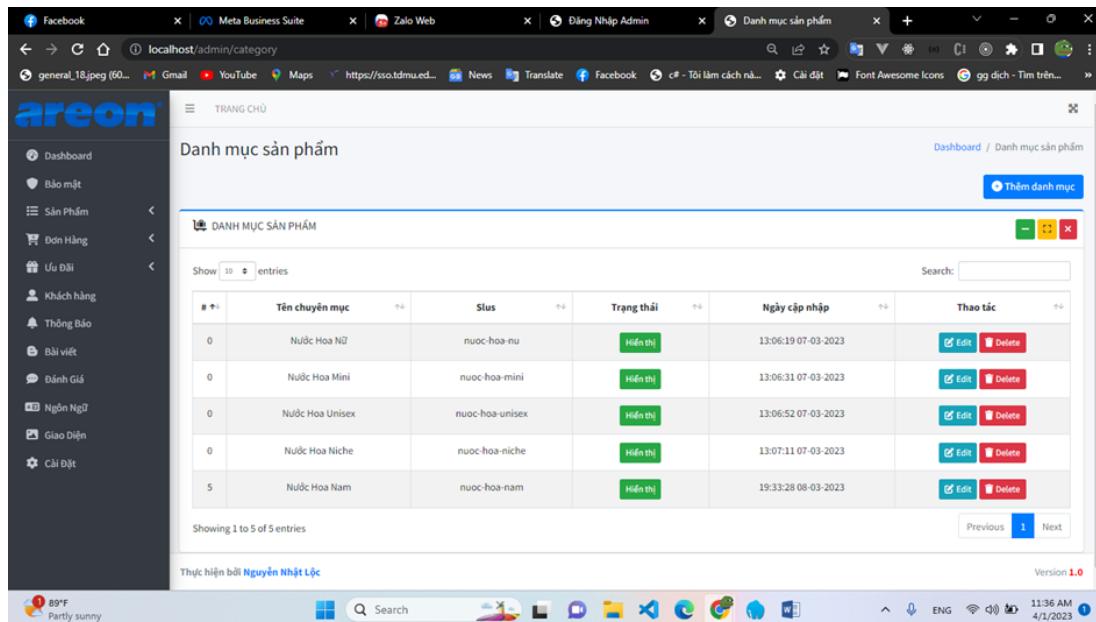
Hình 36: Giao diện trang quản trị

## 1.9. Giao diện trang bảo mật



Hình 37: Giao diện trang bảo mật

## 1.10. Giao diện trang quản lý danh mục sản phẩm



Hình 38: Giao diện trang danh mục sản phẩm

## 1.11. Giao diện trang danh sách thương hiệu sản phẩm

The screenshot shows the 'Thương hiệu sản phẩm' (Brand) list page. The left sidebar has a dark theme with categories like Dashboard, Sản Phẩm, Đơn Hàng, and Khách hàng. The main area has a light blue header 'TRANG CHỦ' and 'Thương hiệu sản phẩm'. A button 'Thêm thương hiệu' is at the top right. Below is a table titled 'DANH SÁCH THƯƠNG HIỆU SẢN PHẨM' with columns: #, Tên chuyên mục, Slug, Trạng thái, Ngày cập nhật, and Thao tác. It lists 5 entries: Creed, Chanel, Guerlain, Dior, and Versace, all in 'Hiển thị' status. At the bottom are buttons for 'Previous' and 'Next', and a note 'Showing 1 to 5 of 5 entries'.

Hình 39: Giao diện trang danh sách thương hiệu sản phẩm

## 1.12. Giao diện trang danh sách sản phẩm

The screenshot shows the 'Sản Phẩm' (Product) list page. The left sidebar has a dark theme with categories like Dashboard, Sản Phẩm, Đơn Hàng, and Khách hàng. The main area has a light blue header 'TRANG CHỦ' and 'Sản Phẩm'. A button 'Thêm sản phẩm' is at the top right. Below is a table titled 'DANH SÁCH SẢN PHẨM' with columns: #, Số thứ tự, Hình, Tên sản phẩm, Loại sản phẩm, Thông tin, and Thao tác. It lists 5 entries: Guerlain La Petite Robe Noire 2012 (Nước Hoa Nữ), Nước hoa nam jean paul gaultier le beau edt (Nước Hoa Nam), Orientica- Shangri-La (Nước Hoa Nữ), Dior Sauvage Elixir (Nước Hoa Nữ), and Dior Sauvage Parfum (Nước Hoa Nữ). Each row has a checkbox, a number, a thumbnail, product name, category, details, and edit/delete buttons. At the bottom are buttons for 'Previous' and 'Next', and a note 'Showing 1 to 5 of 5 entries'.

Hình 40: Giao diện trang danh sách sản phẩm

### 1.13. Giao diện trang danh sách đơn hàng

Hình 41: Giao diện trang danh sách đơn hàng

### 1.14. Giao diện trang danh sách thanh toán đơn hàng

Hình 42: Giao diện trang danh sách đơn hàng chưa thanh toán

Mã đơn	Khách hàng	Điện thoại	Tổng tiền	Ghi chú	Phương thức	Thanh toán	Ngày tạo hóa đơn	Trạng thái
aUD0uP	Nguyễn Nhật Lộc	978364572	2.275.000đ	dsad	SHIPCODE	Đã thanh toán	2023/04/01 01:32:35	Đã giao
EATel	Nguyễn Nhật Lộc	978364572	2.650.000đ	dsad	MOMO	Đã thanh toán	2023/04/01 01:32:35	Đã giao
jImoxt	Nguyễn Nhật Lộc	978364572	155.000đ	dsa	MOMO	Đã thanh toán	2023/04/01 01:32:35	Đã giao
LPQpsb	Nguyễn Nhật Lộc	978364572	464.866đ	sda	MOMO	Đã thanh toán	2023/04/01 01:32:35	Đã giao
Q0zic	Nguyễn Nhật Lộc	978364572	3.000.000đ	dsa	SHIPCODE	Đã thanh toán	2023/04/01 01:32:35	Đã giao

Hình 43: Giao diện trang danh sách đơn hàng đã thanh toán

### 1.15. Giao diện trang mã giảm giá

Mã giảm giá	Số tiền giảm	Số tiền đơn hàng áp dụng tối thiểu	Số lần giới hạn nhập	Hạn nhập	Trạng thái	Thao tác
sale311	100.000đ	2.000.000đ	10	2023-03-12	Hiển thị	<button>Edit</button> <button>Delete</button>
sale100k	50.000đ	100.000đ	10	2023-03-12	Hiển thị	<button>Edit</button> <button>Delete</button>
vip22	100.000đ	500.000đ	10	2023-03-20	Hiển thị	<button>Edit</button> <button>Delete</button>
5N7HBZ	100.000đ	100.000đ	10	2023-03-24	Hiển thị	<button>Edit</button> <button>Delete</button>

Hình 44; Giao diện trang mã giảm giá

## 1.16. Giao diện trang Flash Sale

TÊN CHIẾN DỊCH	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	NGÀY THÁNG	TRẠNG THÁI	THAO TÁC
Chiến dịch Flash Sale 1	19:00	20:30	21-03-2023	Đã kết thúc	<button>Delete</button>
Chiến dịch Flash Sale 10	14:00	16:00	25-03-2023	Đã kết thúc	<button>Delete</button>
Chiến dịch Flash Sale 11	16:00	18:00	25-03-2023	Đã kết thúc	<button>Delete</button>
Chiến dịch Flash Sale 12	18:00	20:00	25-03-2023	Đã kết thúc	<button>Delete</button>
Chiến dịch Flash Sale 13	20:00	22:00	25-03-2023	Đã kết thúc	<button>Delete</button>
Chiến dịch Flash Sale 14	22:00	23:30	25-03-2023	Đã kết thúc	<button>Delete</button>
Chiến Dịch Flash Sale 2	21:00	22:30	21-03-2023	Đã kết thúc	<button>Delete</button>

Hình 45: Giao diện trang Flash Sale

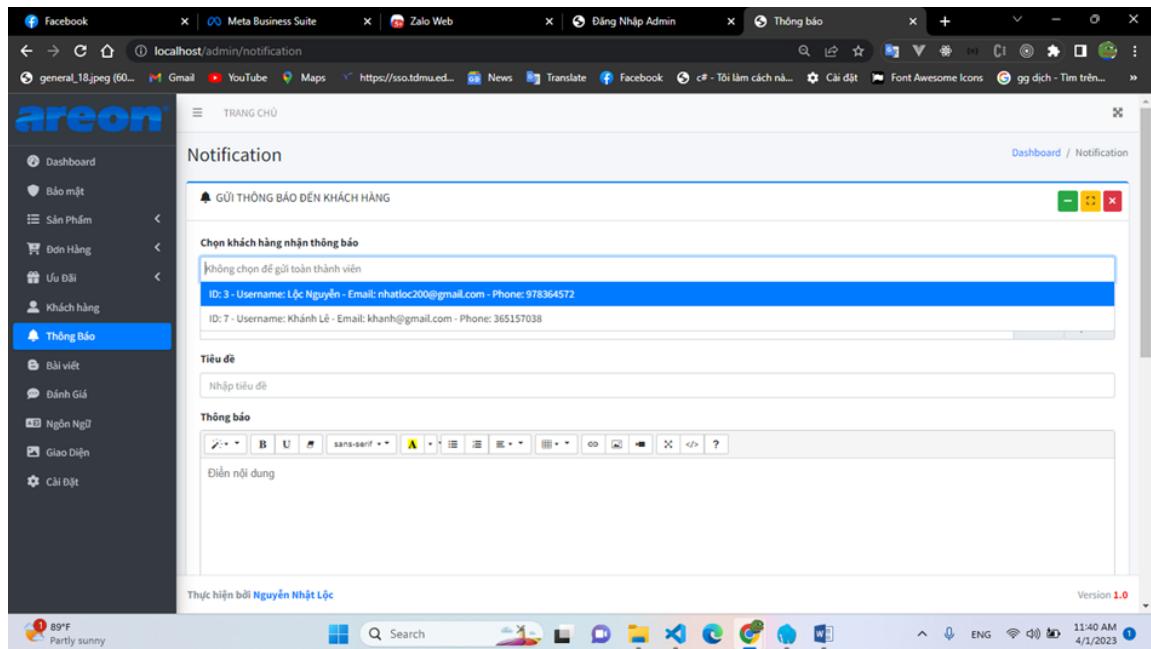
## 1.17. Giao diện trang quản lý khách hàng

TỔNG THÀNH VIÊN	STAFF	TÀI KHOẢN BỊ VÔ HIỆU HÓA
2 thành viên	Admin: 1	0 tài khoản

DANH SÁCH THÀNH VIÊN					
XUẤT EXCEL	Show 10 entries	Search			
	Tài khoản	Bảo mật	Admin	Action	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tên khách hàng: Khanh Lê [7]</li> <li>Địa chỉ Email: <a href="mailto:khanh@gmail.com">khanh@gmail.com</a></li> <li>Số điện thoại: 365157038</li> <li>Tình trạng: Active</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>IP: ::1</li> <li>Status: Offline</li> <li>Ngày tham gia: 2023/03/11 12:00:22</li> <li>Hoạt động gần đây: 2023/03/11 12:04:47</li> </ul>	Không	<button>Edit</button> <button>Delete</button>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tên khách hàng: Lộc Nguyễn [3]</li> <li>Địa chỉ Email: <a href="mailto:nhatloc200@gmail.com">nhatloc200@gmail.com</a></li> <li>Số điện thoại: 978364572</li> <li>Tình trạng: Active</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>IP: ::1</li> <li>Status: Online</li> <li>Ngày tham gia: 2022/06/27 22:49:08</li> <li>Hoạt động gần đây: 2023/04/01 11:40:24</li> </ul>	Có	<button>Edit</button> <button>Delete</button>	

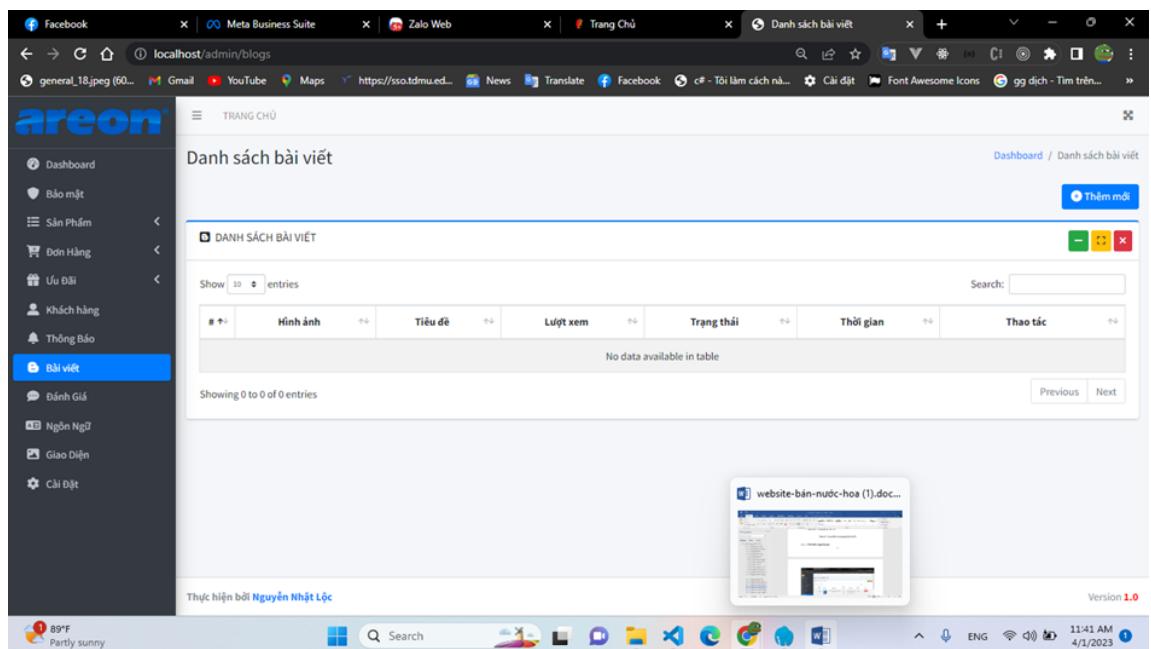
Hình 46: Giao diện trang quản lý khách hàng

## 1.18. Giao diện trang quản lý thông báo đến khách hàng



Hình 47: Giao diện trang thông báo

## 1.19. Giao diện trang quản lý bài viết



Hình 48: Giao diện trang quản lý bài viết

## 1.20. Giao diện trang đánh giá sản phẩm

The screenshot shows the 'Danh giá của khách hàng' (Customer Reviews) section of the Areon software. The left sidebar has a dark theme with various menu items like Dashboard, Bảo mật, Sản Phẩm, Đơn Hàng, Ưu Đãi, Khách hàng, Thông Báo, Bài viết, and Dánh Giá, with Dánh Giá highlighted. The main content area has a light blue header 'NHẬT KÝ DÁNH GIÁ SẢN PHẨM'. Below it is a table with columns: #, Khách hàng, Hình ảnh, Tên sản phẩm, Dánh giá, Phản hồi, Thời gian, and Thao tác. Two entries are listed:

#	Khách hàng	Hình ảnh	Tên sản phẩm	Dánh giá	Phản hồi	Thời gian	Thao tác
22	Lộc Nguyễn		Versace Bright Crystal EDT	★★★★★	Mùi hương thơm nhẹ, giữ mùi 8 tiếng	3 tuần trước	<button>Delete</button>
23	Khánh Lê		Versace Bright Crystal EDT	★★★★★	Sản phẩm tốt, rách chất lượng	3 tuần trước	<button>Delete</button>

At the bottom, there's a message 'Thực hiện bởi Nguyễn Nhật Lộc', a 'Version 1.0' link, and a system status bar showing weather (Partly sunny), time (11:41 AM), date (4/1/2023), and battery level.

Hình 49: Giao diện trang đánh giá sản phẩm

## 1.21. Giao diện trang chuyển đổi ngôn ngữ

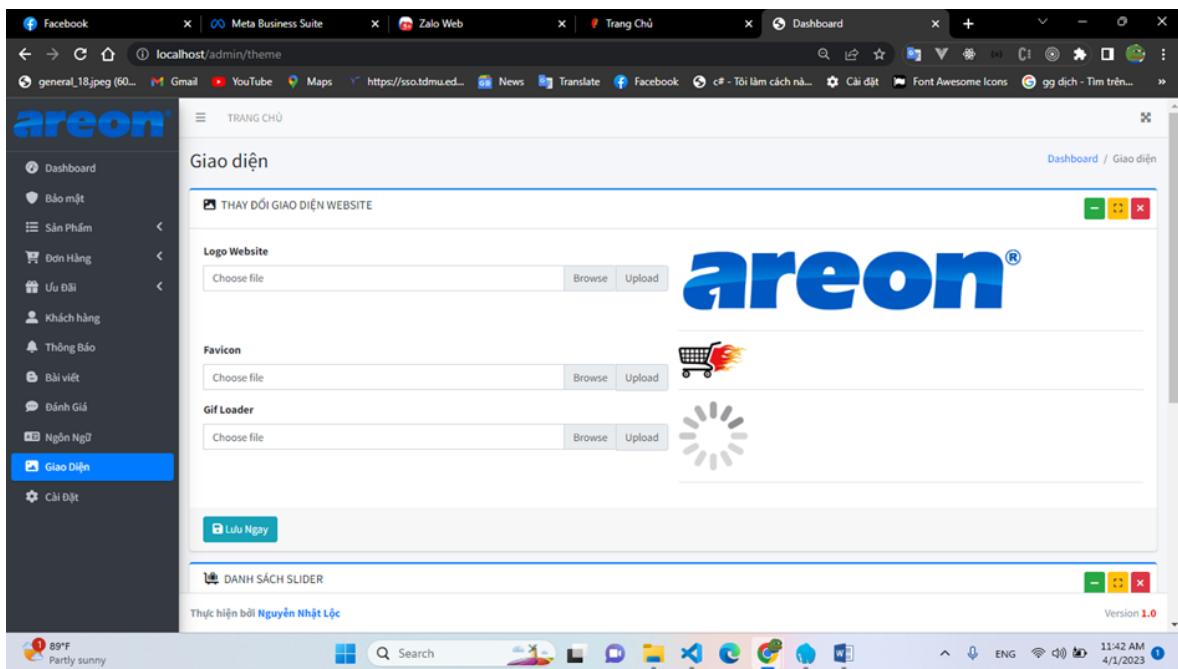
The screenshot shows the 'Danh sách ngôn ngữ' (Language List) section of the Areon software. The left sidebar has a dark theme with various menu items like Dashboard, Bảo mật, Sản Phẩm, Đơn Hàng, Ưu Đãi, Khách hàng, Thông Báo, Bài viết, Dánh Giá, Ngôn Ngữ, Giao Diện, and Cài Đặt, with Ngôn Ngữ highlighted. The main content area has a light blue header 'DANH SÁCH NGÔN NGỮ'. Below it is a table with columns: Languages, Icon, Default, Status, and Action. Two entries are listed:

Languages	Icon	Default	Status	Action
Vietnamese		Đúng	Hiển thị	<button>Set Default</button> <button>Translate</button> <button>Edit</button> <button>Delete</button>
English		Không	Hiển thị	<button>Set Default</button> <button>Translate</button> <button>Edit</button> <button>Delete</button>

At the bottom, there's a message 'Thực hiện bởi Nguyễn Nhật Lộc', a 'Version 1.0' link, and a system status bar showing weather (Partly sunny), time (11:41 AM), date (4/1/2023), and battery level.

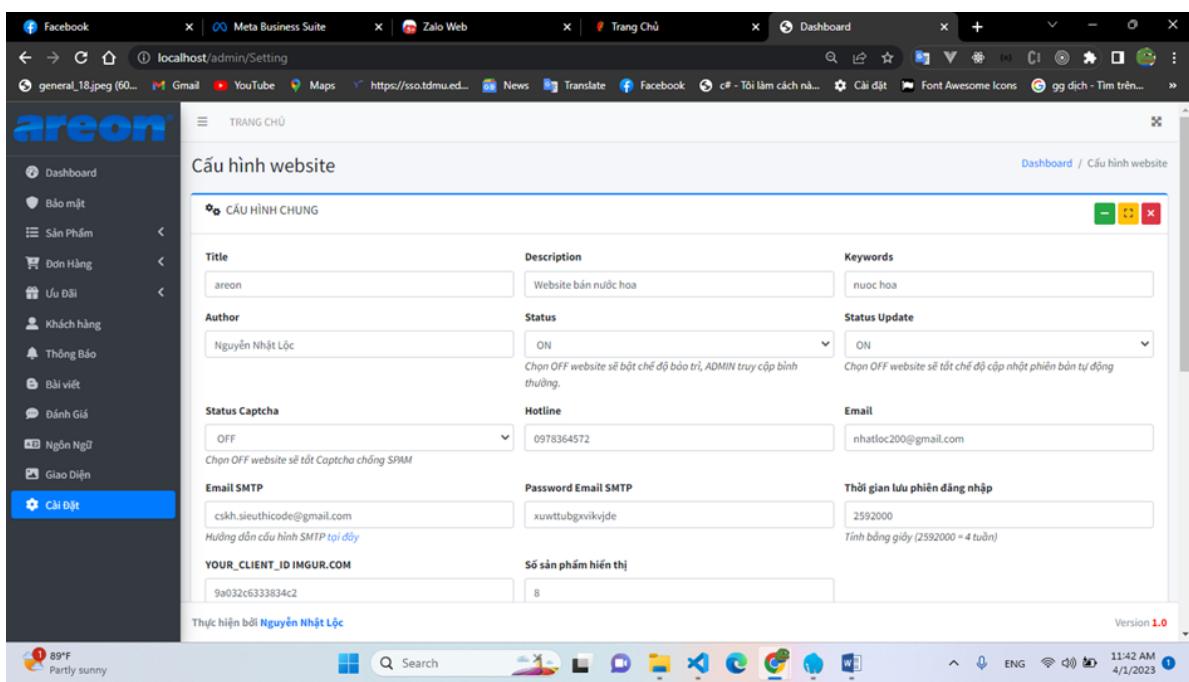
Hình 50: Giao diện trang chuyển đổi ngôn ngữ

## 1.22. Giao diện trang chỉnh sửa giao diện



Hình 51: Giao diện trang chỉnh sửa giao diện

## 1.23. Giao diện trang cài đặt



Hình 52: Giao diện trang cài đặt

## **CHƯƠNG 4: KẾT LUẬN**

### **1. Đối với người dùng**

- Các cách tìm kiếm, tra cứu theo các chủ đề khác nhau, kết hợp nhiều chủ đề theo ý khách hàng.
- Xem chi tiết thông tin sản phẩm.
- Cho phép khách hàng đăng ký thông tin để thực hiện việc mua sản phẩm.
- Kiểm tra tính hợp lệ của khách hàng đăng nhập hệ thống.
- Tạo đơn đặt hàng.
- Yêu thích sản phẩm
- Gửi mail khi đặt hàng thành công

### **2. Đối với người quản trị**

- Xem thông tin của các đề mục cần quản lý như: Tài khoản, sản phẩm, đơn hàng...
- Đưa ra các form để nhập dữ liệu mới của các loại tư liệu.
- Có thể sửa đổi, cập nhật các dữ liệu trên.
- Trong việc thêm mới sản phẩm chương trình tự động sinh mã sản phẩm, điều này tiện lợi cho người quản trị và dữ liệu luôn đồng nhất.
- Các chức năng này được thực hiện thông qua giao diện web.
- Có thể nhập xuất dữ liệu bằng excel
- In đơn hàng khi đã duyệt.

### **3. Hướng phát triển**

- Vấn đề chính của website là phục vụ việc quảng cáo. Từ đó, bên cạnh việc thương mại thì vấn đề cần phải tập trung thu hút khách hàng.
- Do vậy trong thời gian sau này cần bổ sung các chức năng: xử lý hóa đơn tự động.
- Quản lý kho (kiểm tra lượng sản phẩm tồn kho tự động).
- Bổ sung thêm một số chức năng kiểm tra dữ liệu nhập, thay đổi mật mã truy cập của khách hàng cũng như nhà quản trị.
- Mặc dù đã có gắng hoàn chỉnh các yêu cầu nhưng bài báo cáo còn rất thiếu sót mong nhận được sự chỉ bảo hướng dẫn của các thầy cô khác giúp đỡ xem xét, đề

xuất thêm các ý kiến cũng như bổ sung các vấn đề phục vụ cho việc xây dựng website để em có thể hoàn chỉnh hơn . Em xin cảm ơn các quý thầy cô.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

## Website

- [1] PHP documents - <https://www.php.net/manual/en/>
- [2] MySQL documents –  
<https://docs.oracle.com/en-us/iaas/mysql-database/doc/getting-started.html>
- [3] JavaScript Tutorial - <https://www.w3schools.com/js/>
- [4] Bootstrap 5 document –  
<https://getbootstrap.com/docs/5.0/getting-started/introduction/>